

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thùy Trang

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT THỊNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thuỳ Trang

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thùy Trang

Mã SV: 1354010332

Lớp : QT1306K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC

CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH

NGHIỆP 1

1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp 1

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu 1

1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp 2

1.1.3. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu 2

1.1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu 2

1.1.3.2. Đánh giá nguyên vật liệu 5

1.1.3.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu 5

1.1.3.2.2. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho 6

1.1.3.2.3. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho 8

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu 11

1.2. Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp 12

1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp 12

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song 12

1.2.1.2. Phương pháp sổ số dư 14

1.2.1.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển 15

1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp 16

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên 17

1.2.2.1.1. Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên 17

1.2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng 17

1.2.2.1.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu 20

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ ... 21

1.2.2.2.1. Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ 21

1.2.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng 22

1.2.2.2.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu.....	24
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	25
1.3.1. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chung	25
1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký sổ cái.	26
1.3.3. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.4. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chứng từ	30
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH.....	
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Việt Thịnh	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần Việt Thịnh.....	33
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Việt Thịnh	34
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty cổ phần Việt Thịnh.....	36
2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty cổ phần Việt Thịnh.....	39
2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của công ty cổ phần Việt Thịnh.....	41
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh	46
2.2.1. Một số đặc điểm cơ bản về nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh	46
2.2.1.1. Đặc điểm và công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh	46
2.2.1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh....	47
2.2.1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.....	47
2.2.1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh	48
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh	49
2.2.2.1. Tổ chức chứng từ và tài khoản kế toán	49
2.2.2.2. Quy trình hạch toán.....	55

2.2.2.2.1. Quy trình hạch toán.....	55
2.2.2.2.2. Kế toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh	56
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN	
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH.....	98
3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.....	98
3.1.1. Ưu điểm.....	98
3.1.1.1. Về tổ chức sản xuất	98
3.1.1.2. Về tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức bộ máy kế toán của công ty .	98
3.1.1.3. Về hạch toán kế toán nguyên vật liệu	99
3.1.1.4. Về tổ chức sổ sách chứng từ	101
3.1.2. Nhược điểm.....	101
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.....	102
3.2.1. Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.....	102
3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.....	102
3.2.1.2. Nguyên tắc và các yêu cầu của việc hoàn thiện các công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh	103
3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.....	104
KẾT LUẬN	

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con đường hội nhập của nước nhà đang rộng mở, các doanh nghiệp đã đang đứng trước những cơ hội to lớn nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, nguy cơ và thách thức. Vậy các doanh nghiệp phải làm gì để có được bước phát triển vững chắc trong vòng quay như vũ bão của nền kinh tế thị trường ngày nay. Để đạt được mục tiêu ấy, mỗi doanh nghiệp có những hướng đi khác nhau, những giải pháp khác nhau và sử dụng những công cụ khác nhau. Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường ngoài việc nâng cao chất lượng sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng..., thì điều đặc biệt quan trọng phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Nguyên vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng đủ và kịp thời cho sản xuất và việc kiểm tra giám sát được chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí nguyên vật liệu. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất hạ thấp chi phí cho giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Việt Thịnh em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty, với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường, sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán tại công ty, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng em đã đi sâu tìm hiểu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh”**.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Năm bắt được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.
- Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
- Phạm vi nghiên cứu: Đi sâu vào nghiên cứu quy trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu đề tài em đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia.
- Phương pháp kế toán.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

Cùng với các kiến thức đã nghiên cứu và hướng dẫn trong trường cũng như thực tiễn trong quá trình thực tập để nghiên cứu lập luận cho đề tài.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của khóa luận được chia thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình GV Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng và các anh chị trong phòng kế toán tại công ty đã giúp em hoàn thành đề tài của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm còn ít ỏi, đề tài của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy, cô để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;
- Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Hàng tồn kho bao gồm:

- + Hàng hóa mua về để bán: Hàng hóa tồn kho, hàng mua đang đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa gửi đi gia công chế biến;
- + Thành phẩm tồn kho và thành phẩm gửi đi bán;
- + Sản phẩm dở dang: Sản phẩm chưa hoàn thành và sản phẩm hoàn thành chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm;
- + Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho, gửi đi gia công chế biến và đã mua đang đi trên đường;

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất.

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Đặc điểm của nguyên vật liệu là chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và trong chu kỳ sản xuất đó, nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm. Về mặt giá trị, do chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định nên khi tham gia vào sản xuất, giá trị của nguyên vật liệu sẽ được tính hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đặc điểm này, nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động của doanh nghiệp.

Đồng thời, nguyên vật liệu là một yếu tố chi phí: chi phí nguyên vật liệu, vật liệu tạo nên thực thể sản phẩm hoàn thành. Xét về góc độ giá trị, nó cấu thành giá thành sản phẩm và giá vốn của hàng xuất bán.

1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu được của quá trình sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp. Vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để thuận lợi trong công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu, trước hết các doanh nghiệp phải xác định được hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho nguyên vật liệu. Hệ thống danh điểm và số danh điểm của nguyên vật liệu phải rõ ràng, chính xác tương ứng với quy cách, chủng loại nguyên vật liệu.

Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu luôn được dự trữ ở một mức nhất định, hợp lý, nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục. Do vậy, các doanh nghiệp phải xác định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó. Định mức tồn kho của nguyên vật liệu còn là cơ sở để xác định kế hoạch thu mua nguyên vật liệu và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

Để bảo quản tốt nguyên vật liệu dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát, các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống tàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý nguyên vật liệu tồn kho và các nhiệm vụ nhập kho, xuất kho, tránh việc bố trí kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

1.1.3. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải sử dụng rất nhiều loại, thứ nguyên vật liệu khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng tính năng lý hóa khác nhau. Khi tổ chức hạch toán chi tiết đối với từng loại nguyên vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị, doanh nghiệp cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Mỗi doanh nghiệp nên sử dụng những loại

nguyên vật liệu khác nhau và sự phân chia cũng khác nhau theo từng tiêu thức nhất định.

Phân loại nguyên vật liệu là việc phân chia nguyên vật liệu của doanh nghiệp thành các loại các nhóm theo tiêu thức phân loại nhất định.

- Căn cứ vào nội dung kinh tế và vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- *Nguyên vật liệu chính*: Là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm sản xuất ra. Vì vậy, khái niệm nguyên vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Ở doanh nghiệp xây dựng là xi măng, sắt, thép, gạch, ngói,... Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ không đặt ra khái niệm nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ. Nguyên vật liệu chính bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục ra quá trình sản xuất ra sản phẩm.

- *Nguyên vật liệu phụ*: Là những vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu*: Là những thứ được tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ, hơi đốt...Nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách thành 1 nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó và nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- *Phụ tùng thay thế*: Gồm các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.

- *Thiết bị xây dựng cơ bản*: Bao gồm các loại thiết bị cần lắp, không cần lắp, các vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản, trong công nghiệp.

- *Nguyên vật liệu khác*: Là các loại vật liệu không được xếp vào các loại kể trên. Chủ yếu là các loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất, hoặc từ việc thanh lý tài sản cố định.

Tác dụng: Cách phân loại này là cơ sở để xây dựng định mức tiêu hao cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu và cũng là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu, chia nguyên vật liệu thành:

- *Nguyên vật liệu mua ngoài*: Là nguyên vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.
- *Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công*: Là nguyên vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.
- *Nguyên vật liệu có từ nguồn khác*: Là nguyên vật liệu từ nhận góp vốn, cấp phát, tài trợ,...

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng kế hoạch, tìm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu sao cho có hiệu quả nhất.

• Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành:

- *Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:*
 - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
 - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- *Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:*
 - + Nhượng bán
 - + Đem góp vốn liên doanh
 - + Đem quyên tặng

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xác định trọng tâm cần phải quản lý những loại nguyên vật liệu nào.

Ngoài ra, các cách phân loại vật liệu như trên, để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật tư.

Lập danh điểm vật tư là quy định cho mỗi thứ nguyên vật liệu một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số (kết hợp với các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Tùy theo từng doanh nghiệp, hệ thống danh điểm vật tư có thể được xây dựng theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ không trùng lặp. Thông thường hay dùng ký hiệu tài khoản cấp 1, tài khoản cấp 2 để ký hiệu loại, nhóm vật tư kết hợp với chữ cái tên vật tư để ký hiệu tên vật tư.

Danh điểm vật tư được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp nhằm thống nhất trong quản lý từng vật tư.

1.1.3.2. Đánh giá nguyên vật liệu

1.1.3.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Đánh giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của vật liệu. Việc đánh giá vật liệu nhập - xuất - tồn kho là một việc hết sức cần thiết để tính đúng, đủ chi phí và giá thành sản phẩm.

Về nguyên tắc, nguyên vật liệu là tài sản dự trữ thuộc tài sản lưu động nên phải đánh giá theo giá trị thực tế của nguyên vật liệu do mua sắm hay gia công chế biến. Tuy nhiên, do đặc điểm của nguyên vật liệu là thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh và yêu cầu của kế toán vật liệu là phải phản ánh kịp thời tình hình nhập, xuất, tồn hàng ngày của vật liệu. Vì vậy, kế toán nguyên vật liệu ngoài việc sử dụng giá thực tế ra, vật liệu còn có thể đánh giá theo giá hạch toán. Trong quá trình hạch toán vật tư, tùy điều kiện cụ thể về giá trị vật tư ở doanh nghiệp biến động thường xuyên hay tương đối ổn định, có giá kịp thời hay không mà khi tổ chức kế toán vật tư người ta có thể sử dụng một trong hai cách đánh giá vật tư, đó là đánh giá vật tư theo giá hạch toán hay giá mua thực tế. Sử dụng cách đánh giá vật tư tức là sử dụng giá nào để ghi sổ kế toán vật tư hàng ngày và tính toán giá xuất vật tư dùng hàng ngày.

- *Nguyên tắc giá gốc:* Theo chuẩn mực 02, kế toán nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu phải phản ánh theo giá gốc (giá thực tế), có nghĩa là khi nhập kho phải tính toán và phản ánh theo giá thực tế, khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được các vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Nguyên tắc thận trọng:* Nguyên tắc này đề cập đến việc lựa chọn các phương pháp sao cho ít ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu. Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể được thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất,

kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

– *Nguyên tắc nhất quán*: Nguyên tắc này đòi hỏi kế toán viên phải quản lý kịp thời số lượng nguyên vật liệu nhập - xuất hàng ngày để phục vụ cho công tác quản lý, giúp cho doanh nghiệp biết chính xác số lượng và giá trị vật liệu tại kho của mình tại các thời điểm, nhằm xây dựng các kế hoạch sản xuất phù hợp, chống sự biến động về giá vốn và lượng nguyên vật liệu tồn kho đột suất. Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- + Thời điểm xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

1.1.3.2.2. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Theo chuẩn mực kế toán số 02: “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.” Trong đó:

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cụ thể:

– Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua

hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên, vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

- + Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho, gồm:

- Chi phí nguyên, vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trên thực tế, nguyên vật liệu có thể được nhập từ nhiều nguồn khác nhau. Do đó, tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu được xác định như sau:

- *Đối với nguyên liệu mua ngoài:*

Giá nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế	-	Khoản giảm giá được hưởng
--------------	---	--------------------------	---	-------------------------	---	---------------------------

Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng không chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng cho các mục đích phúc lợi, các dự án,... thì bao gồm cả thuế GTGT (là tổng giá thanh toán).

- *Đối với nguyên vật liệu tự sản xuất:* Giá nhập kho là giá thực tế sản xuất nguyên vật liệu.

- *Đối nguyên vật liệu thuê ngoài chế biến:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá nhập} & & \text{Giá xuất nguyên} & & & & \text{Chi phí vận chuyển, bốc} \\ \text{kho} & = & \text{vật liệu đem chế} & + & \text{Tiền thuế} & + & \text{dỡ nguyên vật liệu đi và} \\ & & \text{biến} & & \text{chế biến} & & \text{về} \end{array}$$

- *Đối với nguyên vật liệu được cấp:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá nhập} & = & \text{Giá do đơn vị cấp thông} & + & \text{Chi phí vận chuyển, bốc} \\ \text{kho} & & \text{báo} & & \text{dỡ} \end{array}$$

- *Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn:* Giá nhập kho là giá do hội đồng định giá xác định (được sự chấp nhận của các bên có liên quan).
- *Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng:* Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

1.1.3.2.3. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó, khi xuất kho nguyên vật liệu, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong bốn phương pháp để xác định giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá hàng tồn kho được áp dụng theo một trong bốn phương pháp sau: phương pháp tính theo giá đích danh; phương pháp bình quân gia quyền; phương pháp nhập trước, xuất trước; phương pháp nhập sau, xuất trước.

Khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá trị thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

- **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Theo phương pháp này, khi xuất kho nguyên vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện từng lô hàng.

Ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Trị giá vốn thực tế xuất kho} = \text{Số lượng vật liệu xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

+ *Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*: Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho đầu kỳ}}{\text{Số lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập trong kỳ}} \end{array}$$

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư.

Nhược điểm: Dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác..

+ *Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Phương pháp bình quân liên hoàn)*: Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa hai lần nhập kế tiếp để tính giá xuất theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}} \end{array}$$

Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá vật liệu xuất kho chính xác nhất, phản ánh kịp thời sự biến động giá cả, công việc tính giá được tiến hành đều đặn.

Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều và phức tạp, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy.

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Vậy theo phương pháp này, số nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

Như vậy, nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao và giá trị vật liệu xuất dùng nhỏ nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng. Ngược lại giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn dẫn đến lợi nhuận trong kỳ giảm.

Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ lạm phát, và áp dụng đối với những doanh nghiệp ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ cho lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do các chi phí nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi

phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Vậy theo phương pháp này, số nguyên vật liệu nhập sau sẽ được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp này cũng được áp dụng đối với các doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

- Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:
 - Phản ánh chính xác, kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp.
 - Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức

tiêu hao nguyên vật liệu, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, lãng phí.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ nguyên vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại.

- Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo nguyên vật liệu, tham gia các công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ sử dụng nguyên vật liệu.

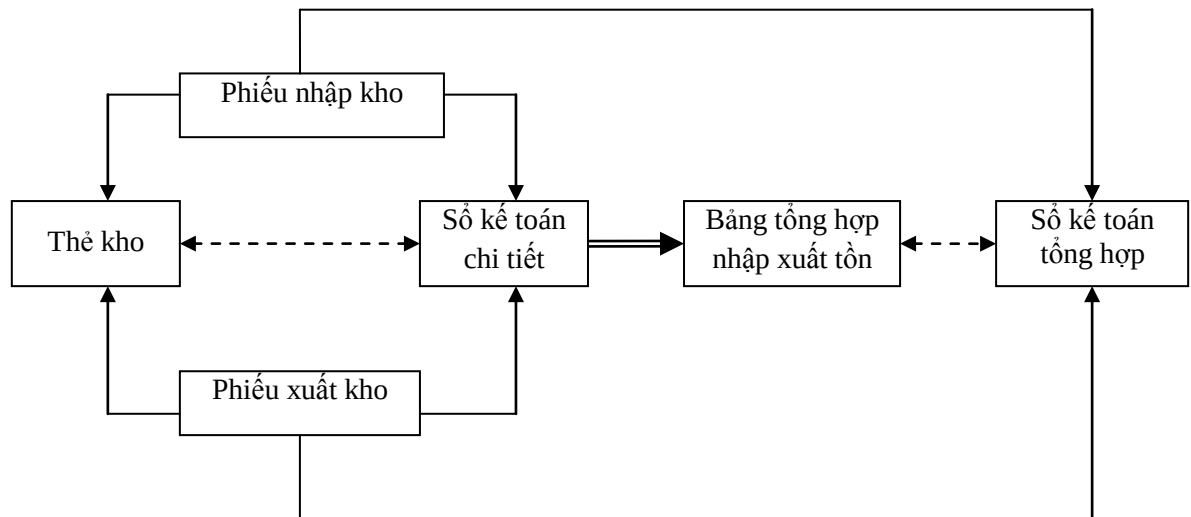
1.2. Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Hiện nay, tùy theo đặc điểm từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp: Thẻ song song, Sổ đối chiếu luân chuyển, Sổ số dư.

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song được mô tả theo sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <-.-.-> Đối chiếu kiểm tra

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ đó.

Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập, xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên thẻ kho và đối chiếu số liệu với kế toán chi tiết vật tư.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ và vào sổ chi tiết vật liệu.

Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào Bảng tổng hợp nhập xuất tồn.

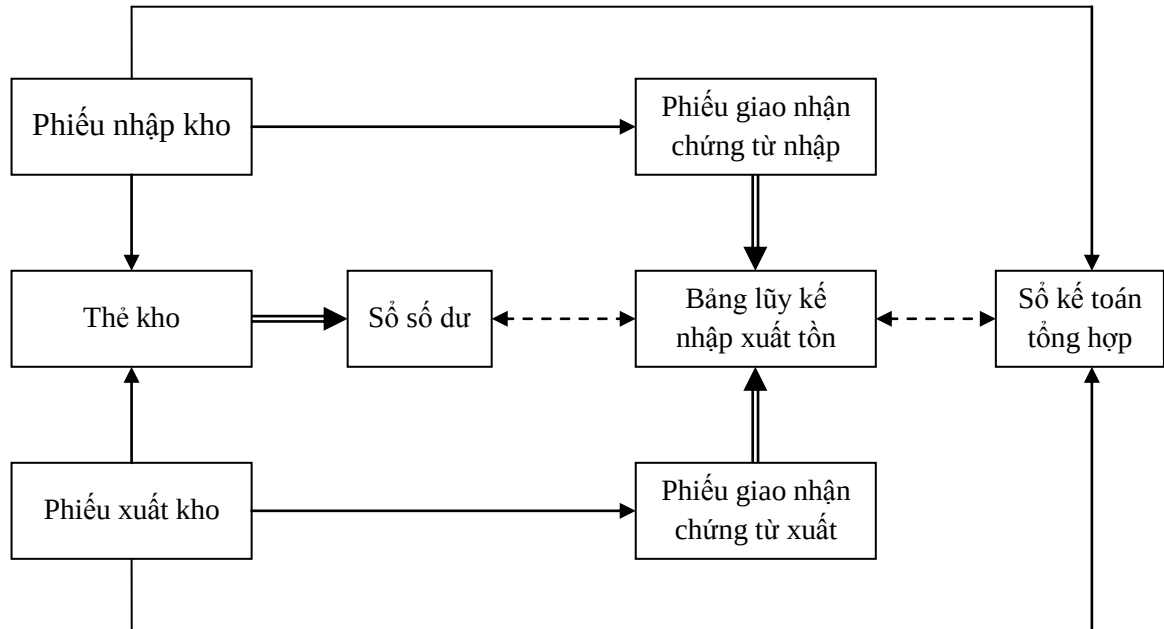
Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, dễ kiểm tra đối chiếu, dễ phát hiện sai sót đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất và tồn kho của từng danh điểm nguyên vật liệu kịp thời, chính xác.

Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán ở chỉ tiêu số lượng, làm tăng khối lượng công việc của kế toán, tốn nhiều công sức và thời gian.

Điều kiện vận dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán máy và các doanh nghiệp thực hiện kế toán bằng tay trong điều kiện doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

1.2.1.2. Phương pháp sổ sổ dư

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư được mô tả theo sơ đồ 1.2 như sau:



Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư
Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←----> Đối chiếu kiểm tra

- *Tại kho:* Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn như phương pháp trên. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng nguyên vật liệu quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu.

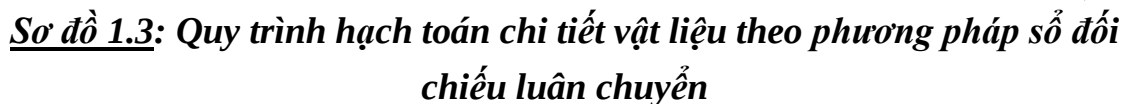
Ngoài ra cuối tháng thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào Sổ sổ dư. Sổ sổ dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến, có lập phiếu giao nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ (giá hạch toán) tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số

Ưu điểm: Phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ nên không bị dồn công việc vào cuối kỳ.

Điều kiện vận dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập xuất của mỗi loại nhiều, đồng thời nhân viên kế toán và thủ kho của doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn cao.

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đôi chiều luân chuyển được mô tả theo sơ đồ 1.3 như sau:



→	Ghi hàng ngày
==>	Ghi cuối tháng
←---→	Đối chiếu kiểm tra

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu giống như phương pháp thẻ song song.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho, cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập Bảng kê nhập vật liệu, Bảng kê xuất vật liệu. Rồi ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối kỳ đối chiếu thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển.

Ưu điểm: Tiết kiệm công tác lập sổ kế toán so với phương pháp thẻ song song, giảm nhẹ khối lượng ghi chép của kế toán, tránh việc ghi chép trùng lặp.

Nhược điểm: Khó kiểm tra, đối chiếu, khó phát hiện sai sót và dồn công việc vào cuối kỳ nên hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên, liên tục, hơn nữa làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

Điều kiện vận dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư nhưng số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều, không có điều kiện bố trí riêng từng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, kế toán vật liệu phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ chứng từ kế toán quy định được ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Các chứng từ về kế toán nguyên vật liệu đã ban hành bao gồm:

Phiếu nhập kho	Mẫu số 01-VT
Phiếu xuất kho	Mẫu số 02-VT
Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mẫu số 03-VT
Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ	Mẫu số 04-VT
Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mẫu số 05-VT
Bảng kê mua hàng	Mẫu số 06-VT
Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	Mẫu số 07-VT
Hoá đơn GTGT (bên bán lập)	Mẫu số 01GTKT-3LL
Hoá đơn thông thường (bên bán lập)	Mẫu số 02GTTT-3LL
Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ	Mẫu số 03P XK-3LL

Các chứng từ khác có liên quan như: Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi,...

Trong đó có Biên bản kiểm nghiệm và phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ là các chứng từ hướng dẫn còn lại là các chứng từ bắt buộc.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.2.1.1. Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm của hàng tồn kho một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp có độ chính xác cao và cung cấp thông tin một cách kịp thời, cập nhật. Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào, kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng. Trong phương pháp này, tài khoản nguyên vật liệu được phản ánh theo đúng nội dung tài khoản tài sản.

Phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có giá trị nguyên vật liệu lớn.

Với những tiện ích trên, phương pháp này được sử dụng phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán thì áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức.

1.2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu": Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết cấu TK 152:

Nợ	TK 152	Có
<u>Số dư đầu kỳ</u> : Trị giá nguyên, vật liệu tồn kho đầu kỳ. + Trị giá thực tế nhập của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác. + Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.		+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh. + Trị giá nguyên, vật liệu được giảm giá người mua, trả lại người bán. + Chiết khấu thương mại nguyên, vật liệu khi mua được hưởng. + Trị giá nguyên, vật liệu thiếu hụt, mất mát, phát hiện khi kiểm kê.
Tổng phát sinh tăng		Tổng phát sinh giảm
<u>Số dư cuối kỳ</u> : Trị giá nguyên, vật liệu tồn kho cuối kỳ.		

Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Chi tiết theo công dụng có thể chia thành 5 tài khoản cấp 2:

- TK 1521 – Nguyên vật liệu chính
- TK 1522 – Nguyên vật liệu phụ
- TK 1523 – Nhiên liệu
- TK 1524 – Phụ tùng thay thế
- TK 1528 – Vật liệu khác

Tài khoản 151 “Hàng mua đi đường”: Thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

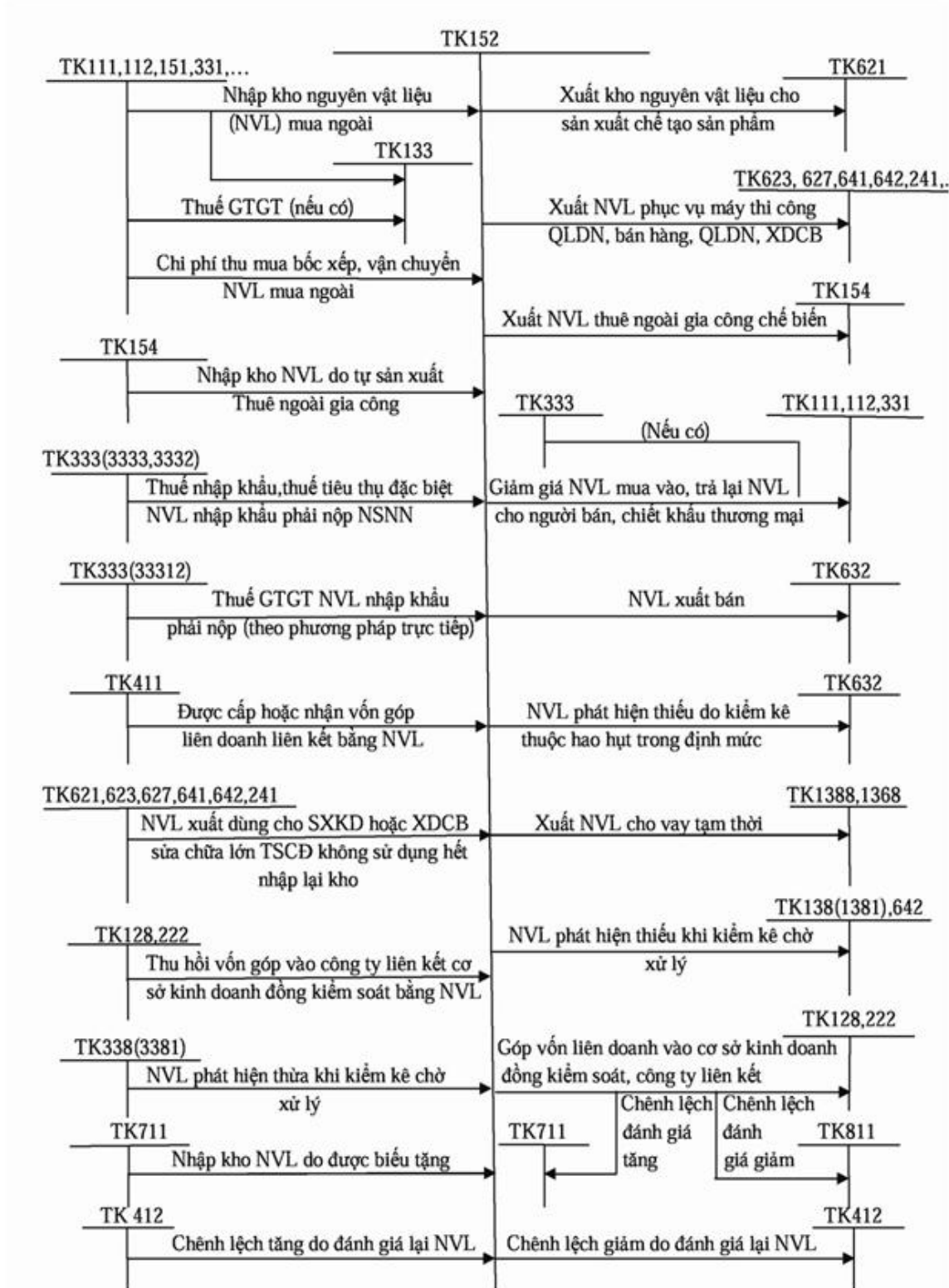
Kết cấu TK 151:

Nợ	TK 151	Có
<u>Số dư đầu kỳ</u> : Trị giá nguyên, vật liệu đã mua nhưng còn đang đi đường chưa về nhập kho đơn vị đầu kỳ. + Trị giá nguyên, vật liệu đã mua đang đi đường.		+ Trị giá nguyên, vật liệu đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng.
Tổng phát sinh tăng		Tổng phát sinh giảm
<u>Số dư cuối kỳ</u> : Trị giá nguyên, vật liệu đã mua nhưng còn đang đi đường chưa về nhập kho đơn vị cuối kỳ.		

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như tài khoản TK111, TK112, TK133, TK331,...

1.2.2.1.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu

a) Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ



Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

b) Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp

Về cơ bản các nghiệp vụ liên quan tăng giảm nguyên vật liệu cũng tương tự. Chỉ có điểm khác là trong giá hàng mua đã có thuế giá trị gia tăng đầu vào. Vì vậy, kế toán không còn sử dụng TK133. Trong giá hàng bán đã có thuế giá trị gia tăng đầu ra vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng TK3331. Chỉ đến cuối kỳ sau khi đã xác định được số giá trị gia tăng phải nộp kế toán mới sử dụng TK3331 để phản ánh định khoản.

- Ưu điểm:

- Xác định, đánh giá về số lượng và trị giá hàng tồn kho vào từng thời điểm xảy ra nghiệp vụ.
- Nắm bắt, quản lý hàng tồn kho thường xuyên, liên tục, góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Giảm tình trạng sai sót trong việc ghi chép và quản lý (giữa thủ kho và kế toán).

- Nhược điểm: Tăng khối lượng ghi chép hàng ngày, gây áp lực cho người làm công tác kế toán. Tuy nhiên, nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hóa công tác kế toán.

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.2.2.1. Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế. Từ đó, xác định lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác trong kỳ theo công thức:

Trị giá vật tư xuất kho	=	Trị giá vật tư tồn đầu kỳ	+	Tổng giá vật tư mua vào trong kỳ	-	Trị giá vật tư tồn cuối kỳ
-------------------------	---	---------------------------	---	----------------------------------	---	----------------------------

Theo phương pháp này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi, phản ánh trên tài khoản 152, giá trị vật tư mua vào được phản ánh trên tài khoản "Mua hàng".

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép nên phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

1.2.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 611 "Mua hàng": Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số nguyên, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc xuất trong kỳ.

Kết cấu TK 611:

Nợ	TK 611	Có
+ Kết chuyển trị giá nguyên, vật liệu tồn đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).		+ Kết chuyển trị giá nguyên, vật liệu tồn cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).
+ Giá gốc nguyên, vật liệu mua vào trong kỳ.		+ Giá gốc nguyên, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.
		+ Giá gốc nguyên, vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.
Tổng phát sinh tăng		Tổng phát sinh giảm

- ✕
- + Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:
-TK 6111 "Mua nguyên vật liệu"
-TK 6112 "Mua hàng hoá"

TK 152 "Nguyên liệu, vật liệu": Dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Kết cấu TK 152:

Nợ	TK 152	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ.		
+ Kết chuyển trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.		+ Kết chuyển trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn đầu kỳ.
Tổng phát sinh tăng		Tổng phát sinh giảm
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Chi tiết theo công dụng có thể chia thành 5 tài khoản cấp 2:

- TK 1521 – Nguyên vật liệu chính
- TK 1522 – Nguyên vật liệu phụ
- TK1523 – Nhiên liệu
- TK1524 – Phụ tùng thay thế
- TK1528 – Vật liệu khác

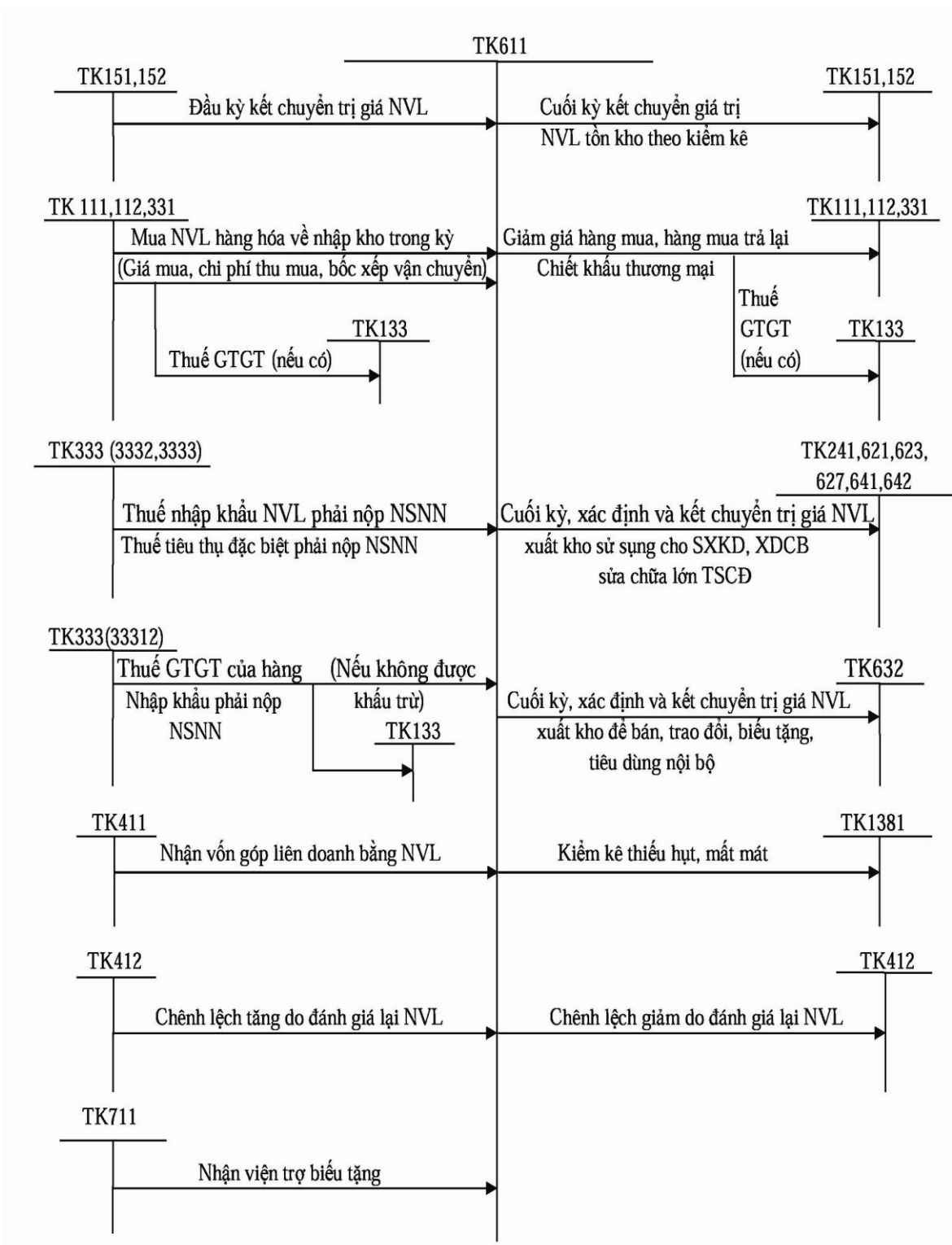
TK 151 "Hàng mua đi đường": Dùng để phản ánh trị giá hàng mua (đã thuộc sở hữu của đơn vị) nhưng đang đi đường hay đang gửi tại kho người bán, chi tiết theo từng loại hàng, từng người bán.

Kết cấu TK 151:

Nợ	TK 151	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Trị giá nguyên, vật liệu đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị) đầu kỳ. + Kết chuyển trị giá nguyên, vật liệu đã mua đang đi đường cuối kỳ.		+ Kết chuyển trị giá nguyên, vật liệu đã mua đang đi đường đầu kỳ.
Tổng phát sinh tăng		Tổng phát sinh giảm
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Trị giá nguyên, vật liệu đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị) cuối kỳ.		

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số TK khác có liên quan như TK 111, TK112, TK331, TK133, ...

1.2.2.2.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu



Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Ưu điểm: Giảm khối lượng ghi chép cho người làm công tác kế toán.
- Nhược điểm:
 - Công việc kế toán dồn vào cuối kỳ.
 - Công việc kiểm tra không thường xuyên trong tình hình nhập, xuất kho là liên tục sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.
 - Khó phát hiện sai sót nếu kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán.

1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chung

❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

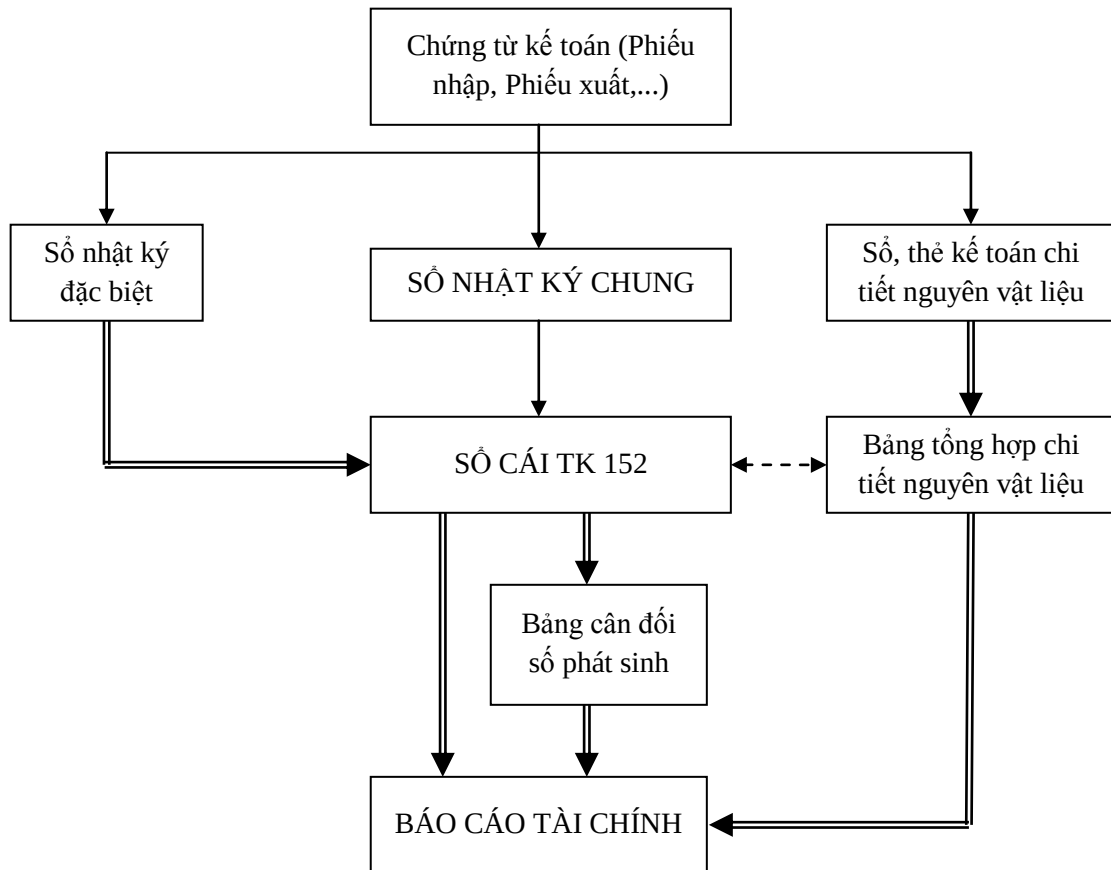
❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Biểu số 01)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- <-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký sổ cái

❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái (Biểu số 02)*

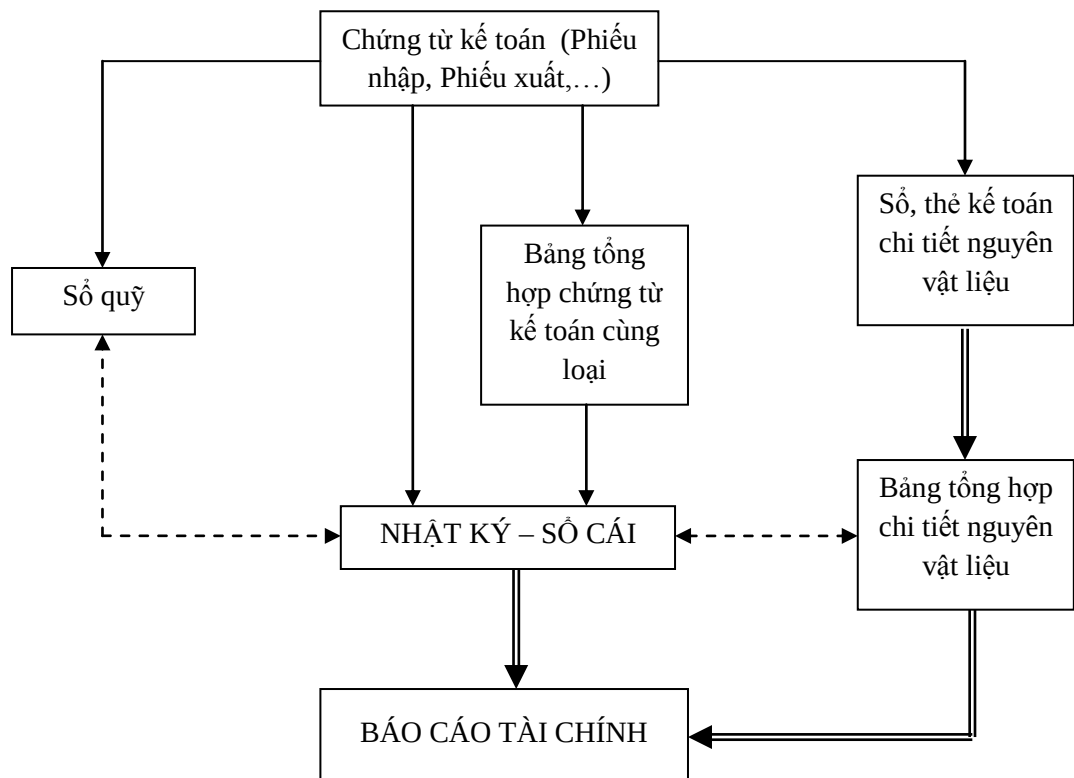
(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←----> Đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức chứng từ ghi sổ

❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

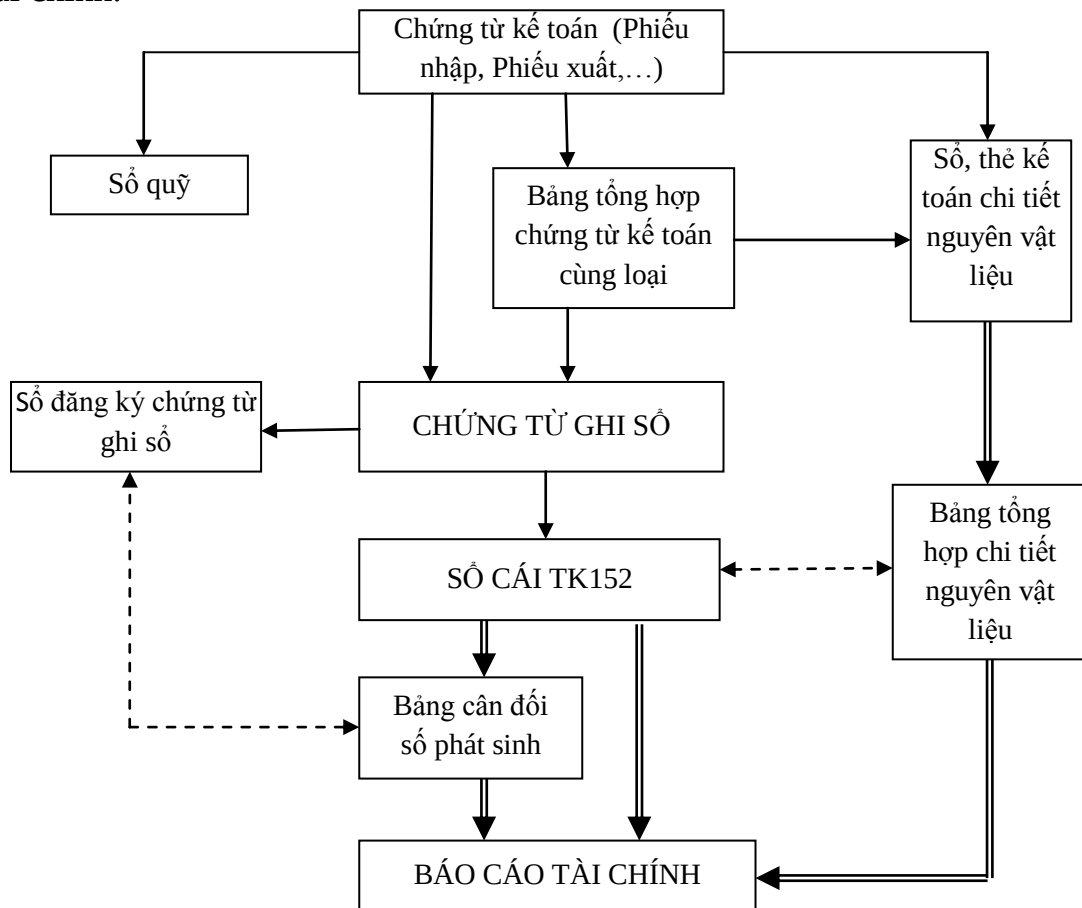
❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ (Biểu số 03)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế

toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chứng từ

❖ *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)*

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ (Biểu số 04)*

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

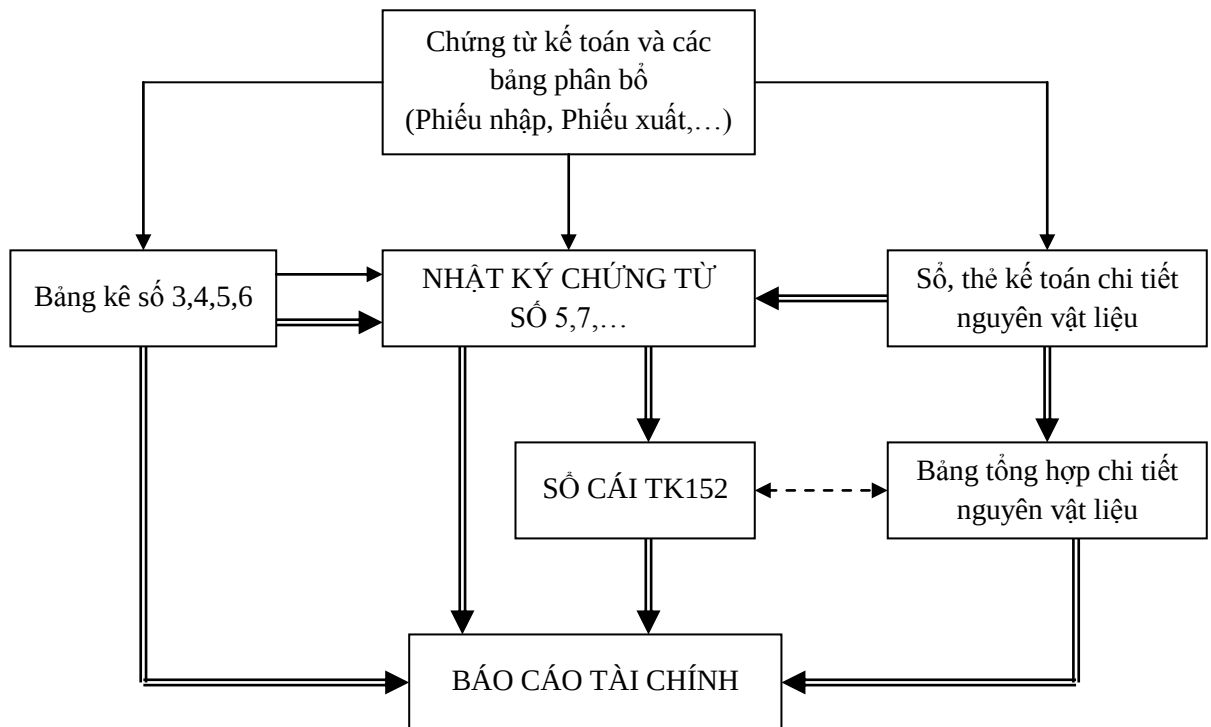
Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←----> Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

❖ Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

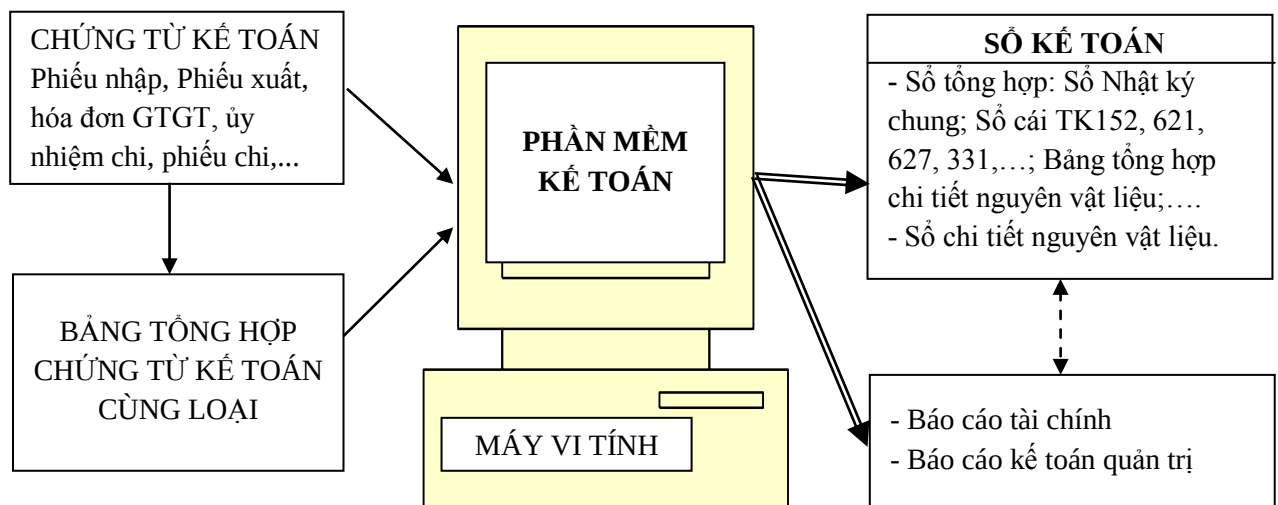
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ *Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán máy vi tính (Biểu số 05)*

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi kế toán theo hình thức kế toán máy áp dụng trong kế toán nguyên vật liệu.

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ← --- → Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Việt Thịnh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần Việt Thịnh

Công ty cổ phần Việt Thịnh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000232 do Sở kế hoạch đầu tư cấp ngày 12/06/2002 với lĩnh vực hoạt động chủ yếu là thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và kinh doanh thương mại,...

Giới thiệu chung về công ty:

- ❖ Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH.**
- ❖ Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIET THINH JOINT STOCK COMPANY.**
- ❖ Tên công ty viết tắt: **V.J.C**
- ❖ Trụ sở giao dịch: Số 44B Lê Lai – Ngô Quyền – Hải Phòng. Tháng 06/2011 công ty cổ phần Việt Thịnh có trụ sở giao dịch mới là: P2 tầng 7 tòa nhà Việt Úc lô 16D đường Lê Hồng Phong – Đằng Lâm – Hải An – Hải Phòng.
- ❖ Số điện thoại: 031.3 559888.
- ❖ Fax: 031.3 559258.
- ❖ Email: vietthinhgroup@vnn.vn.
- ❖ Website: www.vietthinhgroup.com.
- ❖ Mã số thuế: 0200462643.
- ❖ Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng
 - Số cổ phần: 500.000 cổ phần
 - Giá trị vốn cổ phần: 50.000.000.000 đồng
- ❖ Danh sách cổ đông sáng lập:
 1. Ông: Phạm Văn Thành – Tổng Giám đốc
 2. Ông: Đặng Kim Lợi – thành viên
 3. Ông: Trần Xuân Huỳnh – thành viên
 4. Ông: Phạm Vinh Quang – thành viên

5. Ông: Phạm Quang Quỳnh – thành viên

Là đơn vị hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh thương mại công ty có nhiều kinh nghiệm để xây dựng các công trình đạt tiêu chuẩn chất lượng, có giá trị, phục vụ cho hoạt động sản xuất, giáo dục và nhu cầu của mọi người. Công ty đã triển khai thi công các công trình đạt chất lượng cao như:

- Khu liên hợp thể thao Hải Phòng.
- Nhà thi đấu thể thao đa năng Hải Phòng.
- Quốc lộ 1A đường tránh Thanh Hóa – TP Thanh Hóa.
- Đường ngã năm sân bay Cát Bi – Hải Phòng.
- Đường An Dương I huyện An Dương – TP Hải Phòng.
- Hệ thống lưới điện hạ thế tỉnh Hải Dương.
- Xây dựng kho nguyên liệu mở rộng công ty Greenfeed tại Long An,...

Đồng thời, công ty rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục vì thế hệ trẻ tương lai, luôn đặt uy tín – chất lượng – giá cả sản phẩm lên hàng đầu. Vì vậy, những sản phẩm – thiết bị giáo dục do công ty cung cấp luôn được các ban ngành, trường học đánh giá cao.

Công ty luôn hiểu rằng sự thỏa mãn một cách tốt nhất các nhu cầu của khách hàng là phương thức để tồn tại và phát triển của công ty. Hướng tới khách hàng sẽ luôn là chính sách nhất quán của công ty trong hiện tại và tương lai.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Việt Thịnh

❖ Ngành nghề kinh doanh của công ty cổ phần Việt Thịnh

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng, và san lấp mặt bằng, xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đến 500KV, lắp đặt công trình điện máy, kinh doanh bất động sản. Đầu tư kinh doanh phát triển đô thị và phát triển nhà đất.

- Kinh doanh tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, máy móc, thiết bị, phụ tùng đại lý, kinh doanh thiết bị giáo dục.

- Cung cấp các loại sắt thép, vật liệu xây dựng phục vụ sản xuất và xây lắp

- Tư vấn và thiết kế đồng bộ các công trình công nghiệp và dân dụng, khảo sát, khoan thăm dò địa chất công trình.

❖ **Những thuận lợi và khó khăn của công ty cổ phần Việt Thịnh**

➤ **Những thuận lợi của công ty**

Ngành xây dựng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân vì nó không ngừng phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người mà còn là ngành thu hút giải quyết việc làm cho lao động xã hội, là ngành mũi nhọn trong nền kinh tế.

Ngoài việc tổ chức sản xuất, kinh doanh theo quy trình công nghệ tiên tiến. Công ty luôn nghiên cứu đưa ra các sản phẩm chất lượng cao, giá thành phù hợp. Công ty thành lập một đội công nhân lành nghề nắm bắt kỹ thuật cao đi xây lắp các công trình xây dựng nhằm đáp ứng một sản phẩm hoàn mỹ cho khách hàng và điều quan trọng luôn đảm bảo tiến độ công trình an toàn lao động.

Về hoạt động xây lắp, công ty có nhiều điều kiện đầu tư và tham gia dự thầu các gói thầu lớn. Bên cạnh đó, công ty có đội ngũ kỹ sư có năng lực, nhiệt tình, giàu kinh nghiệm nên có nhiều thuận lợi trong hoạt động xây lắp.

Nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Tổng giám đốc công ty, cùng với sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình, ham học hỏi của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như người lao động trong công ty mà tình hình của công ty luôn được cải thiện, thành tích đạt được của công ty qua các năm đã được nâng lên một cách rõ rệt.

➤ **Những khó khăn của công ty:**

Công ty cổ phần Việt Thịnh bên cạnh những thuận lợi cũng gặp phải rất nhiều khó khăn mà lãnh đạo toàn thể nhân viên trong công ty cần đoàn kết để vượt qua như:

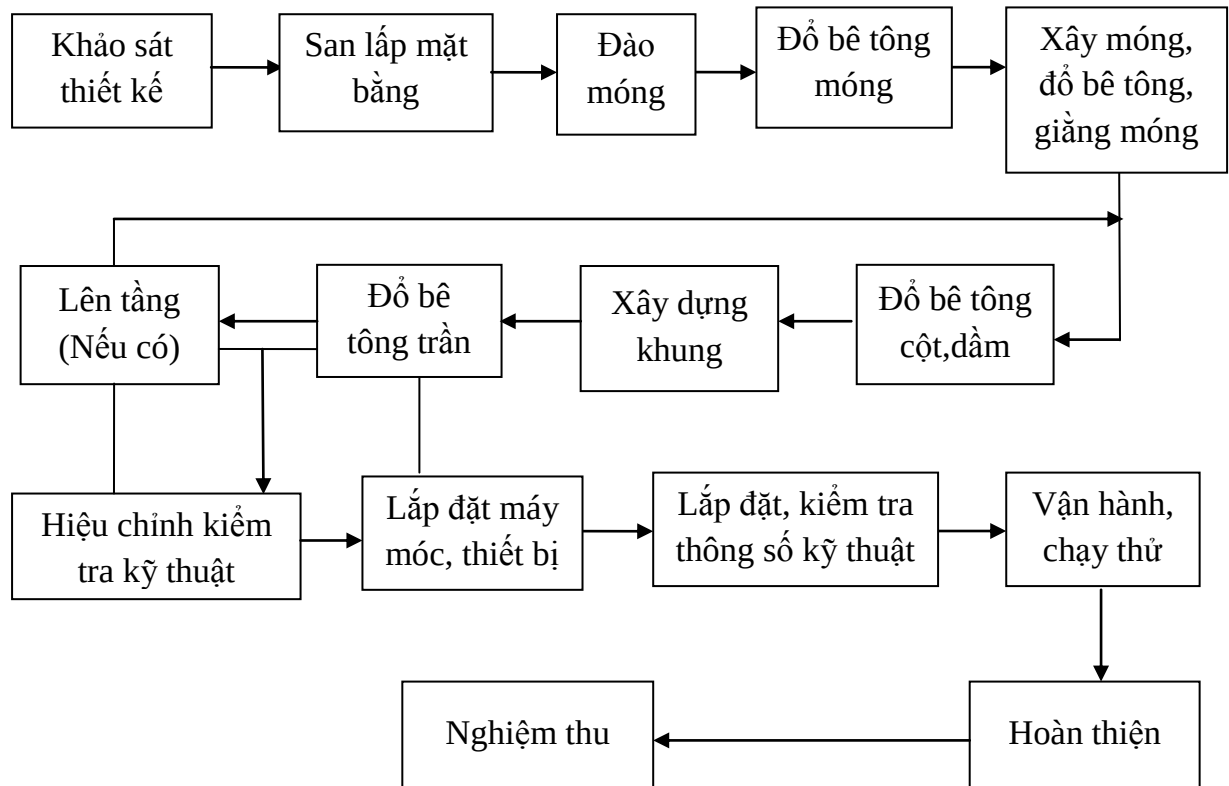
Sự cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt do có nhiều công ty mới được thành lập, cùng hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Giá cả nguyên vật liệu và giá nhân công ngày càng tăng ảnh hưởng đến giá cả dịch vụ mà công ty cung cấp cho khách hàng.

❖ **Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất của công ty cổ phần Việt Thịnh**

Sản phẩm chủ yếu của công ty là các công trình, hạng mục công trình công nghiệp và dân dụng có đủ điều kiện đưa vào sản xuất và phát huy tác dụng. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm xây lắp là một trong những căn cứ quan trọng để xác định đối tượng tập hợp chi phí. Trên cơ sở đó, xác định đúng đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp và lựa chọn phương pháp tính

giá thành phù hợp. Sau đây là sơ đồ khái quát về quy trình xây lắp công trình và hạng mục công trình:

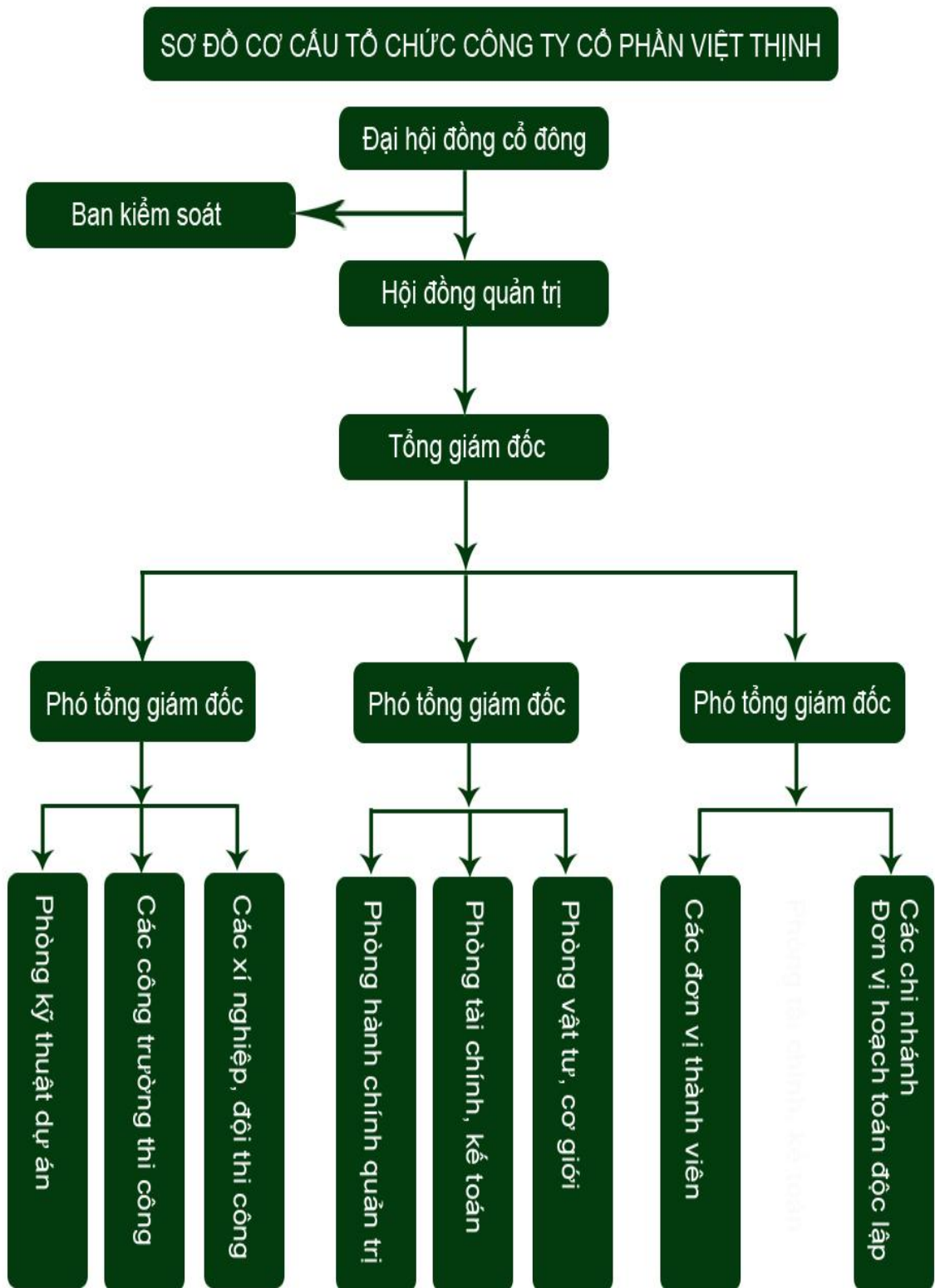


Sơ đồ 2.1: Khái quát về quy trình xây lắp công trình và hạng mục công trình

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty cổ phần Việt Thịnh

Căn cứ vào yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Việt Thịnh tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến tham mưu. Với cơ cấu này các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc. Thể hiện qua sơ đồ sau:

Công ty cổ phần Việt Thịnh được tổ chức với bộ máy chặt chẽ, thống nhất.



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty cổ phần Việt Thịnh

❖ Các phòng ban chức năng của công ty có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Hội đồng quản trị: Là cơ quan quyền lực cao nhất ở Công ty có quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông trên cơ sở Pháp luật và Luật doanh nghiệp đã ban hành trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Tổng giám đốc công ty: Là người đứng đầu công ty do Hội đồng quản trị chỉ định bầu ra, chịu trách nhiệm trước công ty và Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty, có quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức, đề bạt, bãi nhiệm, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật cán bộ công nhân viên của mình theo nội dung quy định của công ty và chính sách của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm bảo toàn về vốn, thực hiện phương án kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị.

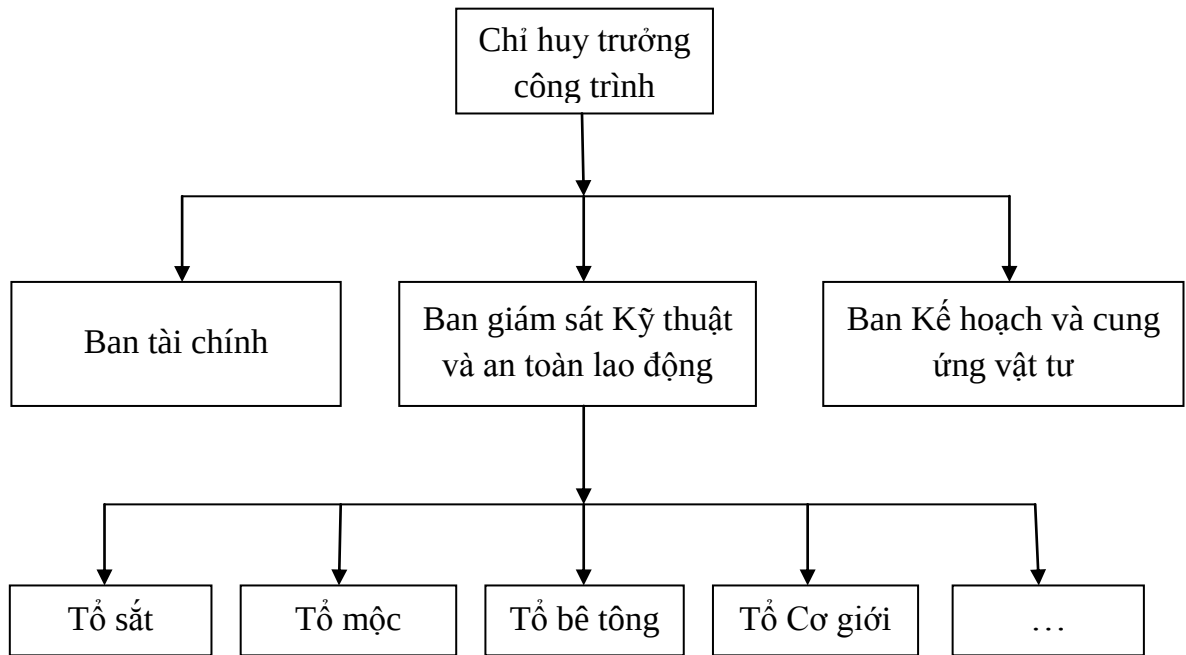
+ Phó tổng giám đốc : Là người có trách nhiệm thay thế Tổng giám đốc điều hành mọi hoạt động của công ty khi Tổng giám đốc đi vắng nếu được ủy quyền từ Tổng giám đốc.

+ Phòng hành chính quản trị: Tham mưu cho Tổng giám đốc về công việc quản lý lao động, bố trí, sắp xếp cán bộ nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

+ Phòng kỹ thuật dự án: Chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho các công trình như: vẽ, thiết kế, phân tích vật tư... tổ chức tham gia đấu thầu, làm bài thầu; tính toán định mức, kỹ thuật phục vụ cho thi công xây dựng công trình.

+ Phòng tài chính, kế toán: Có chức năng huy động vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

+ Phòng vật tư, cơ giới: Quản lý về số lượng, chất lượng vật tư thi công, sửa chữa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tham gia kế hoạch đầu tư mua sắm nguyên vật liệu mới, phụ tùng vật tư, bảo hiểm, kiểm định, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất.



Sơ đồ 2.3: Cơ cấu tổ chức hiện trường công ty cổ phần Việt Thịnh.

❖ Các phòng ban tại công trường

+ Chỉ huy trưởng: Là người có trình độ chuyên môn, có năng lực kinh nghiệm công tác; là người được giao toàn bộ việc điều hành công việc, chỉ huy thi công tại hiện trường, chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, tiến độ thi công tại công trường, thay mặt cho công ty tại hiện trường.

+ Ban giám sát Kỹ thuật và an toàn lao động: Có nhiệm vụ đo đạc, định vị, giám sát kỹ thuật hiện trường, điều hành công tác thi công theo đúng tiến độ, đảm bảo kỹ thuật, chất lượng và mỹ thuật. Chịu trách nhiệm về an toàn cho người và tài sản trên công trường thi công.

+ Ban kế hoạch và cung ứng vật tư: Có trách nhiệm lập kế hoạch, tiến độ thi công theo từng ngày, tuần và cung cấp vật tư theo tiến độ, đúng chủng loại và chất lượng.

+ Ban tài chính: Có trách nhiệm theo dõi quá trình chi tiêu trong suốt quá trình thi công công trình.

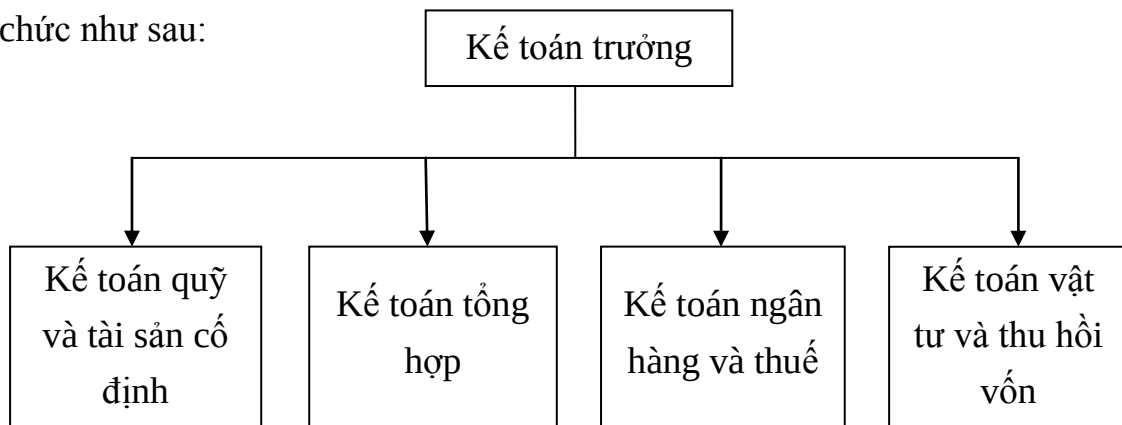
+ Trực tiếp thi công xây dựng công trình là các tổ chuyên môn: Tổ sắt, Tổ mộc, Tổ bê tông, Tổ Cơ giới,...

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty cổ phần Việt Thịnh

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, hình thức tổ chức này được xuất phát từ đặc điểm kinh doanh của công ty. Toàn bộ công tác kế toán được thực hiện ở bộ phận kế toán của công ty, từ việc thu

nhập, kiểm tra chứng từ, ghi sổ chi tiết đến việc lập báo cáo kế toán. Ưu thế của việc tổ chức công tác kế toán tập trung là toàn bộ thông tin được nắm bắt. Từ đó có thể kiểm tra đánh giá, chỉ đạo kịp thời.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty cổ phần Việt Thịnh: Đứng đầu là kế toán trưởng. Kế toán viên chịu sự lãnh đạo trực tiếp của kế toán trưởng. Để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tiết kiệm giảm lao động gián tiếp, bộ máy kế toán của công ty cổ phần Việt Thịnh được tổ chức như sau:



Sơ đồ 2.4: Bộ máy kế toán công ty cổ phần Việt Thịnh.

Phòng tài chính – kế toán có 5 cán bộ nhân viên kế toán được phân công cụ thể như sau:

➤ **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty, cấp trên và Nhà nước về thông tin kế toán cung cấp, tổ chức điều hành công tác kế toán của Công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra các công việc do các nhân viên kế toán thực hiện, đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh.

➤ **Thủ quỹ kiêm kế toán công cụ dụng cụ, tài sản cố định:** Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu chi đối với các chứng từ đã được phê duyệt, ghi chép kế toán chi tiết tài sản cố định công cụ dụng cụ. Tính khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ dụng cụ. Lập báo cáo kế toán về tình hình tăng giảm tài sản cố định

➤ **Kế toán vật tư và thu hồi vốn:** Chịu trách nhiệm quản lý, thống kê, theo dõi, số lượng vật tư nhập xuất dùng cho các công trình, đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao

nguyên vật liệu căn cứ vào dự toán của mỗi công trình. Đồng thời căn cứ vào giá trị phải thu theo kế hoạch thu vốn theo tháng.

➤ **Kế toán ngân hàng và thuế:** Căn cứ vào kế hoạch đầu tư thi công, nhu cầu vốn sản xuất được quyết để lập giấy đề nghị vay vốn. Thực hiện thanh toán đối với các đơn vị có liên quan bằng chuyển khoản. Đồng thời, hàng tháng tập hợp hoá đơn kê khai thuế đầu vào và căn cứ giá trị sản lượng thực hiện tính doanh thu kê khai thuế đầu ra với Cục thuế.

➤ **Kế toán tổng hợp:** Là người có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán của các bộ phận kế toán khác chuyển sang, thực hiện các bút toán kết chuyển khoá sổ kế toán cuối kỳ. Lập các báo cáo tài chính và báo cáo kế toán. Đồng thời có nhiệm vụ hạch toán quá trình mua bán hàng, viết phiếu thu chi, theo dõi chi tiết các tài khoản 331 đối với từng khách hàng, kế toán thuế, kế toán ngân hàng, quản lý các hoá đơn.

2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của công ty cổ phần Việt Thịnh

❖ Đặc điểm kế toán tại công ty:

Công ty cổ phần Việt Thịnh tổ chức thực hiện và vận dụng thống nhất hệ thống tài khoản và sổ kế toán theo Quyết định số 15/2006 ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính.

- Hệ thống tài khoản: Công ty sử dụng hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai hường xuyên.
- + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc.
- + Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Tính theo phương pháp “ Nhập trước – xuất trước”.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.

Để phù hợp với đặc điểm và quy mô kinh doanh, công ty áp dụng hình thức kế toán vừa tập trung. Mọi nghiệp vụ phát sinh (phản ánh, ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo) đều được thực hiện ở phòng kế toán. Tuy nhiên, có phân tán nghiệp vụ xuống đơn vị trực

thuộc như đội xe, xưởng mộc, sắt, kho vật tư, chi nhánh cửa hàng,... Các đơn vị này lập chứng từ ban đầu của các nghiệp vụ gửi về phòng kế toán. Công ty thực hiện hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết các nghiệp vụ phát sinh trên máy tính. Trên cơ sở số liệu kế toán tập trung lập báo cáo quyết toán của công ty.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trình độ của đội ngũ kế toán và yêu cầu quản lý, công ty cổ phần Việt Thịnh áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Chu trình kế toán:** Được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- Kiểm tra chứng từ, xác định chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện chứng từ: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất, tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- Luân chuyển chứng từ: Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.
- Lưu trữ chứng từ: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ, có hệ thống và khoa học chứng từ theo đúng quy định.

❖ **Hệ thống báo cáo tài chính**

- | | |
|--|------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu B01-DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu B02-DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu B03-DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu B09-DN |

❖ **Giới thiệu về phần mềm áp dụng tại công ty**

Để giảm bớt thời gian ghi sổ kế toán theo phương pháp thủ công cùng với việc phát triển công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu của công việc công ty đã sử dụng phần mềm MISA – SME. Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp

tiết kiệm thời gian đẩy mạnh sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần mềm này được thiết kế từ nhiều phân hệ độc lập, đồng thời tích cực chặt chẽ với nhau tạo hệ thống quản trị tài chính doanh nghiệp hoàn hảo. Phần mềm có thể chạy trên máy tính các mạng cục bộ cho phép nhiều người cùng chia sẻ một cơ sở dữ liệu.

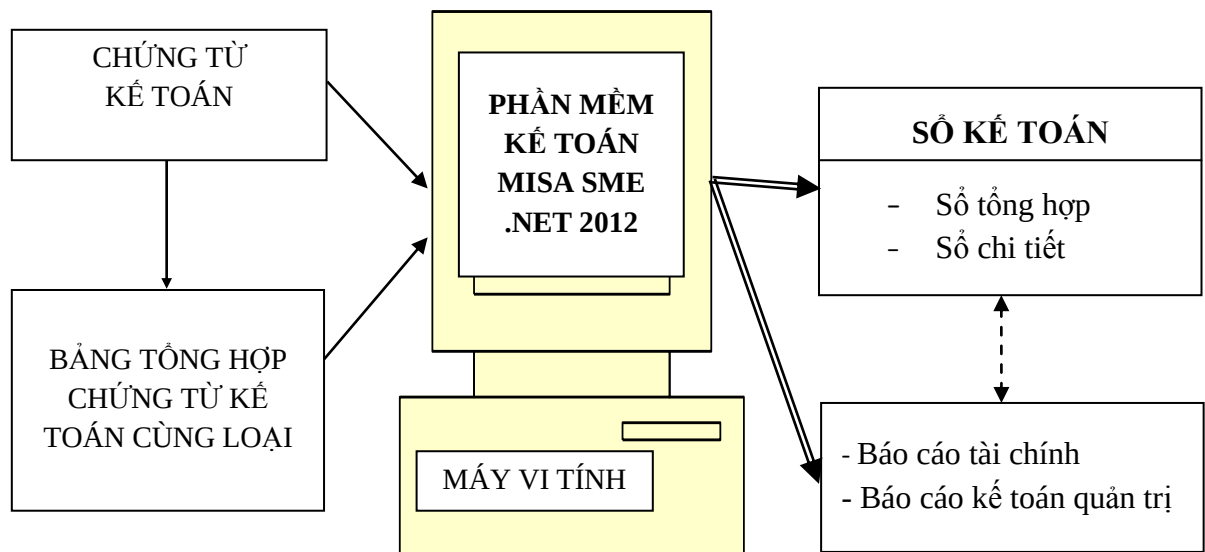
+ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ Nhật ký chung, sổ Cái,...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

Ghi chú:

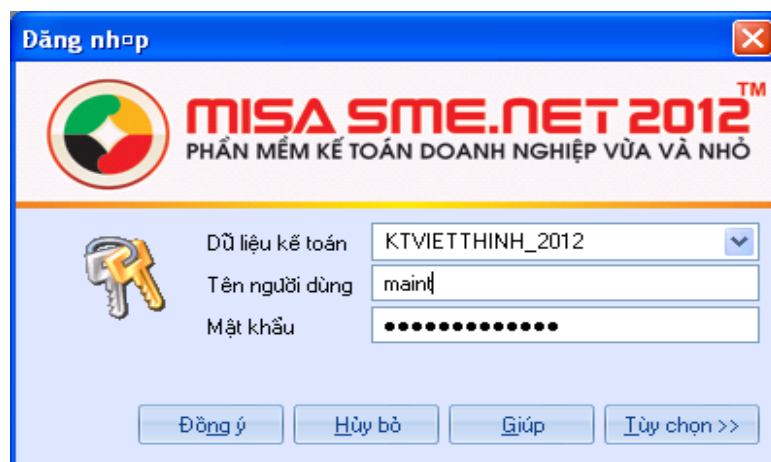
- Ghi hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

❖ Giao diện bằng hình ảnh

1) Khởi động phần mềm MISA SME NET 2012 R33 Enterprise

Trong môi trường Windows:

- Nhấn nút Start => chọn mục Programs => chọn tiếp MISA SME NET 2012 R33 Enterprise => chọn biểu tượng phần mềm MISA SME NET 2012 R33 Enterprise => xuất hiện hộp hội thoại đăng nhập như sau:



Hình ảnh 2.1: Giao diện phần mềm MISA 2012

2) Điền đầy đủ thông tin chi tiết trên hộp hội thoại

- Máy chủ: huan/MISASME2012
- CSDL (cơ sở dữ liệu): KT VIETTHINH_2012
- Tên: ADMI- Mật khẩu: *****

Sau đó nhấn nút “Đồng ý”. Truy cập thành công sẽ xuất hiện màn hình chính



Hình ảnh 2.2: Giao diện quy trình nghiệp vụ

Màn hình này hiển thị đầy đủ các menu cho phép khai báo thông tin, cập nhật các số liệu kế toán, in ấn báo cáo...

- Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính
 - + Bảng cân đối kế toán
 - + Bảng cân đối số phát sinh
 - + Thuyết minh báo cáo tài chính
 - + Báo cáo kết quả kinh doanh

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

2.2.1. Một số đặc điểm cơ bản về nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

2.2.1.1. Đặc điểm và công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

❖ Đặc điểm nguyên vật liệu:

Công ty cổ phần Việt Thịnh là công ty xây dựng do đó nguyên vật liệu được coi là những nhân tố chính cấu thành nên sản phẩm. Đối với mỗi công trình thi công công ty phải sử dụng một khối lượng lớn về nguyên vật liệu, chúng rất đa dạng về chủng loại, quy cách. Bên cạnh đó, sự biến động của nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên và đặc thù của công ty là hoàn thành sản phẩm trong thời gian dài do đó đòi hỏi sự chú trọng trong việc lựa chọn phương pháp quản lý và hạch toán nguyên vật liệu để đạt kết quả tốt nhất.

Nguyên vật liệu của công ty do mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh.

Để đảm bảo tiến độ thi công, nguyên vật liệu cần phải được cung cấp một cách kịp thời đảm bảo về mặt số lượng và thỏa mãn cho nhu cầu thi công. Kế toán nguyên vật liệu phải cung cấp được thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời và có hệ thống để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, cho việc lập kế hoạch thu mua vật liệu cũng như công tác tính giá thành sản phẩm.

Gắn với những đặc điểm riêng của loại hình doanh nghiệp, công ty đã lựa chọn kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng phương pháp ghi thẻ song song và đánh giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

❖ Công tác quản lý nguyên vật liệu:

Nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh nên công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ nguyên vật liệu. tại các kho của công ty luôn có đầy đủ các thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguyên vật liệu, các thủ tục nhập – xuất cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn.

Do điều kiện thi công các công trình ở xa nên công ty thường thuê các kho bãi tại nơi thi công công trình đồng thời cũng bố trí người trông coi, quản

lý chúng. Có bảo vệ thường trực canh giữ, có người chịu trách nhiệm nhập xuất nguyên vật liệu. tại đây mọi thủ tục tiến hành nhập xuất kho cũng được thực hiện đầy đủ như tại kho của công ty, thủ kho tại đây cũng thực hiện ghi thẻ kho, sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp nhập xuất tồn và hàng tuần sẽ được chuyển lên phòng vật tư tại công ty. Kế toán các phòng có liên quan theo dõi nguyên vật liệu chi tiết thông qua phòng vật tư.

2.2.1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

2.2.1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

Do đặc điểm nguyên vật liệu của công ty là đa dạng về chủng loại, quy cách nên để thuận tiện cho việc quản lý và thực hiện hạch toán chúng được phân loại căn cứ vào nội dung kinh tế và vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu của công ty được chia thành các loại sau:

- + **Nguyên vật liệu chính:** Tham gia vào quá trình sản xuất, cấu tạo nên hình thái vật chất của sản phẩm. Bao gồm: Đất, đá, cát, xi măng, sắt, thép, gạch, ngói,... Trong mỗi loại được chia thành nhiều nhóm khác nhau. Ví dụ như xi măng trắng, xi măng PCB30, xi măng PCB40, thép 6, thép 8, thép 10, thép 25,... gạch chỉ, gạch 6 lỗ,...

- + **Nguyên vật liệu phụ:** Được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm tăng công dụng như tính năng của sản phẩm. Bao gồm như phụ gia, dây thép,...

- + **Nhiên liệu:** Được dùng để tạo ra năng lượng phục vụ cho các hoạt động. Bao gồm : Xăng, dầu diezen,...

- + **Phụ tùng thay thế:** Là loại vật tư, phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, mà công ty dùng để sửa chữa máy móc thiết bị. Bao gồm: Máy cầu, máy xúc, máy trộn bê tông, mũi khoan, lốp ô tô, phụ tùng vận tải, cần trục,...

- + **Thiết bị xây dựng cơ bản:** Là những thiết bị chuyên dụng dùng trong thi công và xây dựng các công trình kiên cố.

- + **Phế liệu thu hồi:** Bao gồm các đoạn thừa của thép, gỗ không dùng nữa hay vỏ bao xi măng,...

Cách phân loại trên giúp cho công ty đánh giá từng vai trò của nguyên vật liệu để từ đó xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu phù hợp với điều kiện sản xuất. Công ty bảo vệ nguyên vật liệu tại kho theo mỗi công trình nhằm tránh hao hụt và tạo sự thuận lợi cho sự thi công xây dựng. Riêng các loại nguyên vật liệu như: Cát, sỏi, đá, vôi,... được đưa thẳng tới công trình. Công

ty xác định mức dự trữ cho sản xuất, định mức hao hụt vật lý trong quá trình vận chuyển dựa trên kế hoạch sản xuất do phòng kế hoạch vật tư đưa ra.

2.2.1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

Nguyên vật liệu trong ngành xây dựng nói chung và công ty cổ phần Việt Thịnh nói riêng luôn xác định giá trị của nguyên vật liệu theo bốn nguyên tắc:

- Nguyên tắc giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng.
- Nguyên tắc nhất quán.
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật tư.

a) Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu của công ty nhập kho chủ yếu là do mua ngoài, với số lượng lớn, giá trị cao nên việc thu mua nguyên vật liệu thường theo hợp đồng dưới sự kiểm tra, theo dõi, giám sát trực tiếp của thủ kho và bộ phận cung ứng. Vì là đơn vị kinh doanh chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho là giá không có thuế GTGT.

Phần lớn nguyên vật liệu mua ngoài theo hợp đồng kinh tế và được giao nhận tại kho nên chi phí vận chuyển bốc dỡ do bên bán chịu. Trong trường hợp này, trị giá vốn thực tế nhập kho là giá mua ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT.

Giá thực tế nguyên vật liệu mua nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT)	+	Chi phí thu mua (chưa có thuế GTGT)	-	Các khoản giảm trừ
---	---	--	---	---	---	-----------------------

Giá thực tế nguyên vật liệu tự chế nhập kho	=	Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho để chế biến	+	Chi phí chế biến
--	---	---	---	---------------------

Giá thực tế phế liệu thu hồi: Được tính theo giá bán trên thị trường.

Ví dụ 1: Ngày 01/06/2012 căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001365 công ty cổ phần Việt Thịnh nhập 40.000 kg xi măng PCB30 HP của doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy với đơn giá 1.127,273 đồng/kg (đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT10%) cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An.

$$\begin{array}{lclclcl} \text{Trị giá thực tế nhập kho} & = & \text{Số lượng} & \times & \text{Đơn giá} & \\ \text{ximăng PCB30 HP} & = & 40.000 \text{ kg} & \times & 1.127,273 & = 45.090.9090 \\ & & & & \text{đồng/kg} & \text{đồng} \end{array}$$

b) Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Đối với nguyên vật liệu xuất kho có thời điểm nhập và thời điểm xuất khác nhau thì công ty áp dụng giá xuất kho vật liệu là giá thực tế theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Khi xuất hết số lượng của lần nhập trước thì số lượng còn lại tính theo giá thực tế của lần nhập tiếp theo lô hàng đó.

Ví dụ 2: Việc tính giá xuất kho ở công ty tháng 06/2012 (cụ thể ximăng PCB30 HP) cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An.

Tồn đầu tháng 06/2012: Ximăng PCB30 HP là 68.000 kg (đơn giá: 1.150 đồng/kg)

Ngày 01/06/2012 nhập: 40.000 kg (đơn giá: 1.127,273 đồng/kg)

Ngày 01/06/2012 nhập: 80.000 kg (đơn giá: 1.150 đồng/kg)

Ngày 02/06/2012 xuất: 40.000 kg

Việc tính giá thực tế theo phương pháp nhập trước – xuất trước được thực hiện như sau:

$$\begin{array}{lclclcl} \text{Trị giá xuất kho} & = & \text{Số lượng} & \times & \text{Đơn giá} & \\ \text{ximăng PCB30 HP} & = & 40.000 \text{ kg} & \times & 1.150 \text{ đồng/kg} & = 46.000.000 \\ \text{ngày 02/06/2012} & & & & & \text{đồng} \end{array}$$

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

2.2.2.1. Tổ chức chứng từ và tài khoản kế toán

a) Trình tự luân chuyển chứng từ

- Tại đội: Các nghiệp vụ nhập xuất tồn nguyên vật liệu được thể hiện qua các chứng từ gốc. Kế toán đội thu thập các chứng từ gốc và xử lý sơ bộ.

- Tại công ty: Tiếp nhận chứng từ gốc, bảng kê chứng từ các công trường gửi lên.

- + Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán.
- + Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán.
- + Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.
- + Trình tự kiểm tra chứng từ kế toán.

- + Kiểm tra tính rõ ràng, trung thực đầy đủ của các chỉ tiêu, các yếu tố ghi chép trên chứng từ kế toán,
- + Kiểm tra tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đã ghi trên chứng từ kế toán, đối chiếu chứng từ kế toán với các tài liệu khác có liên quan.
- + Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán.
- + Đối với những chứng từ kế toán lập không đúng thủ tục, nội dung và chữ số không rõ ràng thì người chịu trách nhiệm kiểm tra hoặc ghi sổ phải trả lại, yêu cầu làm thêm thủ tục và điều chỉnh sau đó mới làm căn cứ ghi sổ.

b) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Hợp đồng mua hàng.
- Phiếu nhập kho.
- Phiếu tạm nhập.
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Phiếu đề nghị lĩnh vật tư.
- Thẻ kho.
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hóa.
- Các chứng từ khác.

c) Tài khoản sử dụng

- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu
- + Tại đội theo dõi trên sổ tài khoản nguyên vật liệu, theo từng loại vật liệu của từng công trình.
- + Tại công ty TK 152 được theo dõi chi tiết theo kho của từng bộ phận quản lý.
- TK liên quan: TK 111, TK 112, TK 331, TK 133, TK 336, TK 621, TK 627,...

d) Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

➤ **Thủ tục nhập kho**

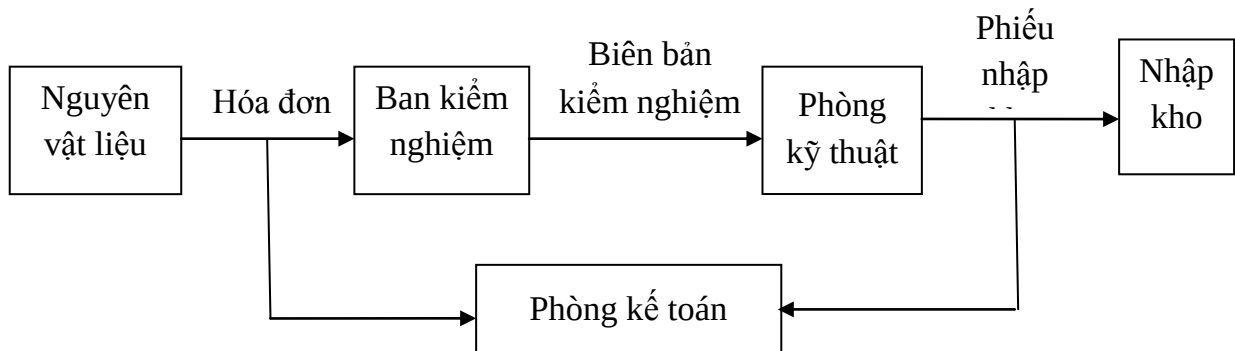
- ❖ Trường hợp nhập vật liệu từ nguồn mua bên ngoài

Theo chế độ kế toán quy định, tất cả các loại vật liệu đến công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và phải làm thủ tục nhập kho. Khi vật liệu chuyển đến công ty nhân viên tiếp liệu phải mang hóa đơn của bên bán vật liệu về phòng thiết bị vật tư của công ty. Trong hóa đơn đã ghi rõ các chỉ tiêu: chủng loại, quy cách, khối lượng, đơn giá, thành tiền, hình thức thanh toán,...

Căn cứ vào hóa đơn của đơn vị bán, phòng thiết bị vật tư xem xét tính hợp lý của hóa đơn. Nếu nội dung ghi trong hóa đơn phù hợp với hợp đồng đã ký, đúng chủng loại, đủ số lượng, chất lượng đảm bảo,... thì sẽ được tiến hành lập phiếu nhập kho.

Thủ kho cùng người giao hàng ký vào phiếu nhập kho sau khi đã kiểm tra về mặt chất lượng cũng như số lượng, quy cách, chủng loại,...thì tiến hành ghi vào thẻ kho sau đó chuyển giao cho kế toán vật tư để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu theo từng loại nguyên vật liệu.

Quy trình nhập kho nguyên vật liệu mua ngoài được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.6: Quy trình nhập kho nguyên vật liệu mua ngoài của công ty Việt Thịnh.

- **Hóa đơn mua hàng:** Căn cứ vào nhu cầu mua vật tư mà bộ phận mua hàng sẽ liên hệ với nhà cung cấp tương ứng. Khi mua hàng người bán sẽ xuất hóa đơn bán hàng GTGT hoặc thông thường, đây là chứng từ gốc cần thiết để kế toán căn cứ vào đó hạch toán nguyên vật liệu.

- **Phiếu nhập kho:** Căn cứ theo dự toán nguyên vật liệu của công trình hay từng hạng mục công trình đã được duyệt mà đội nhận khoán từ công ty được ứng trước tiền mua nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu được mua với số lượng lớn, giá trị cao, quy cách phức tạp,... được kiểm nghiệm (có biên bản kiểm nghiệm).

Phiếu nhập kho nhằm xác định số lượng vật tư nhập kho làm căn cứ ghi thẻ kho, thanh toán tiền hàng, xác định người trách nhiệm người có liên quan và ghi sổ kế toán.

Khi lập phiếu nhập kho người phụ trách bộ phận cung tiêu nguyên vật liệu (thủ kho) ghi rõ số phiếu nhập, ngày nhập, tháng năm nhập phiếu, họ tên người nhập nguyên vật liệu, số hóa đơn hoặc lệnh nhập kho và tên nhập kho.

Phiếu nhập kho phải ký, ghi rõ họ tên người nhập mang phiếu đến kho để nhập vật tư. Phiếu nhập kho lập thành 3 liên:

Liên 1: Thủ kho giữ để lưu vào thẻ kho theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn..

Liên 2: Kế toán giữ để ghi vào sổ kế toán.

Liên 3: Giao cho người đi mua hàng để làm thủ tục thanh toán.

- **Biên bản kiểm nghiệm vật tư:** Nhằm xác định số lượng, quy cách, chất lượng nguyên vật liệu trước khi nhập kho làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Tại công ty biên bản kiểm kê này áp dụng cho nguyên vật liệu cần phải kiểm nghiệm trước khi nhập kho trong các trường hợp:

- + Nhập kho với số lượng lớn.
- + Các loại vật tư có tính chất lý, hóa phức tạp.
- + Các loại vật tư quý hiếm.

Những vật tư không kiểm nghiệm trước khi nhập kho (cát, đá, vôi,...), nhưng trong quá trình kiểm nhận để nhập kho phát hiện có sự khác biệt lớn về số lượng và chất lượng giữa hóa đơn và thực nhập thì vẫn phải lập biên bản kiểm nghiệm.

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Ghi rõ ý kiến về số lượng, chất lượng, nguyên nhân đối với nguyên vật liệu không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất và xử lý.

Biên bản kiểm nghiệm lập 2 bản:

- Một bản giao cho phòng ban vật tư.
- Một bản giao cho phòng ban kế toán.

Trường hợp nguyên vật liệu không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất, so với chứng từ hóa đơn, thì phải lập thêm một liên, kèm theo chứng từ liên quan gửi cho đơn vị bán nguyên vật liệu để giải quyết.

❖ *Trường hợp nhập kho nguyên vật liệu do di chuyển nội bộ.*

Căn cứ vào yêu cầu di chuyển kho của giám đốc, phòng kỹ thuật dự án lập phiếu di chuyển nội bộ gồm 3 liên. Người di chuyển mang 3 liên đến thủ kho xuất hàng, ghi thẻ kho sau đó xuất hàng theo số thực xuất và ký nhận xong giữ lại 1 liên cho người di chuyển, 1 liên để giao cho kế toán vật liệu, 1 liên đưa cho di chuyển mang đến nhập kho, thủ tục nhập hàng và ký nhận ở phần thực nhập rồi vào thẻ kho. Cuối ngày thủ kho nhập giao lại cho kế toán vật liệu kiểm tra và hạch toán tăng kho nhập, giảm kho xuất.

❖ *Trường hợp nhập kho nguyên vật liệu do thuê ngoài gia công chế biến.*

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế theo số lượng và giá cả phòng kỹ thuật dự án lập phiếu nhập kho. Khi lập phiếu nhập kho phải thực hiện cùng kho, cùng nhóm, cùng nguồn nhập, phải kiểm nghiệm trước khi nhập và lập biên bản kiểm nghiệm mới được nhập kho. Cuối ngày kế toán vật liệu phải đối chiếu kế toán tổng hợp và đưa phiếu nhập kho cho kế toán công nợ làm báo cáo kế toán.

➤ **Thủ tục xuất kho**

Vật liệu chủ yếu xuất kho cho các đội xây dựng thi công các công trình. Ngoài thi công xây dựng các công trình, công ty cổ phần Việt Thịnh còn kinh doanh một số loại hàng hóa như: Vật liệu xây dựng, các thiết bị, máy móc, phụ tùng... Các loại hàng hóa này công ty mua về để bán lại cho các công ty khác.

Xuất kho sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kỹ thuật, thủ kho căn cứ vào số lượng trong kho làm thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.

Phiếu xuất kho lập thành 3 liên.

Liên 1: Thủ kho giữ làm chứng từ để ghi vào thẻ kho theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn.

Liên 2: Kế toán vật tư vào đơn giá, thành tiền của vật liệu xuất kho và ghi vào sổ kế toán.

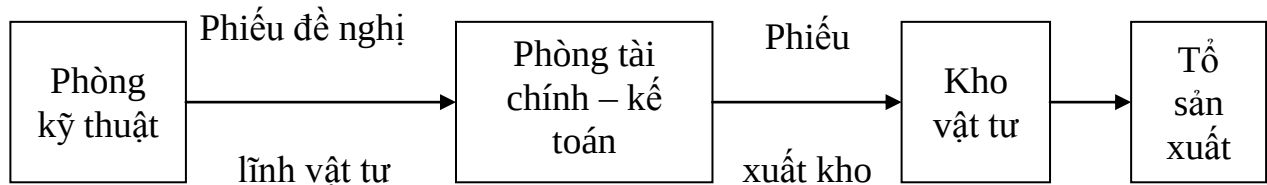
Liên 3: Người nhận vật tư chuyển về cho bộ phận sử dụng.

Phiếu xuất kho làm căn cứ để thủ kho và kế toán ghi vào sổ kế toán.

Cuối mỗi tháng, kế toán căn cứ vào phiếu xuất vật tư trong tháng, tiến hành tập hợp phân loại chứng từ để ghi vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu.

Cuối tháng tiến hành và đối chiếu với thẻ kho về mặt số lượng đồng thời, lập báo cáo nhập – xuất – tồn theo dõi về từng mặt giá trị của từng loại vật liệu.

Trình tự xuất kho nguyên vật liệu được thể hiện như sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình xuất kho nguyên vật liệu của công ty Việt Thịnh

- **Thẻ kho:** Thẻ kho theo dõi số lượng nhập, xuất tồn kho từng thứ nguyên vật liệu ở từng kho. Làm căn cứ xác định tồn kho dự trữ nguyên vật liệu và xác định trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thủ kho dùng cho một thứ nguyên vật liệu cùng nhãn hiệu, quy cách ở cùng một kho.

Tại đội : Kế toán đội lập thẻ theo dõi chi tiết và ghi các chỉ tiêu: tên, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính, mã số nguyên vật liệu. Hàng ngày thủ kho căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho ghi vào các cột tương ứng trong thẻ kho. Mỗi chứng từ ghi 1 dòng. Cuối tháng tính số tồn kho. Hầu hết nguyên vật liệu khi mua về được xuất thẳng vào công trình, nên số lượng tồn kho thường không nhiều, khi lượng nguyên vật liệu không dung hết mới đem nhập kho. Kho của từng đội thường đặt tại nơi thi công công trình (thường gọi là nán trại cất trữ nguyên vật liệu)

Tại công ty: Phòng kế toán cũng ghi thẻ kho nhưng gọi chung là sổ kho (ghi cho các đội). Sổ kho của công ty, với chứng từ được tập hợp từ đội thì không ghi chi tiết, còn nguyên vật liệu được nhập xuất tại công ty thì ghi chi tiết. Theo định kỳ, nhân viên kế toán vật tư xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho, sau đó xác nhận vào thẻ kho.

Sau mỗi lần kiểm kê phải tiến hành điều chỉnh số liệu trên thẻ kho cho phù hợp với số liệu thực tế kiểm kê theo chế độ quy định.

- ***Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu***

Xác định số lượng, chất lượng, và giá trị nguyên vật liệu có tại thời điểm kiểm kê, làm căn cứ xác định trách nhiệm trong việc bảo quản, xử lý vật tư, sản phẩm, hàng hóa thừa, thiếu và ghi vào sổ kế toán.

Ban kiểm kê gồm có trưởng ban và các ủy viên.

Mỗi kho được kiểm kê lập một biên bản riêng.

Nếu có chênh lệch thủ trưởng đơn vị ghi rõ ý kiến giải quyết số chênh lệch này.

Ban kiểm kê lập biên bản thành hai bản:

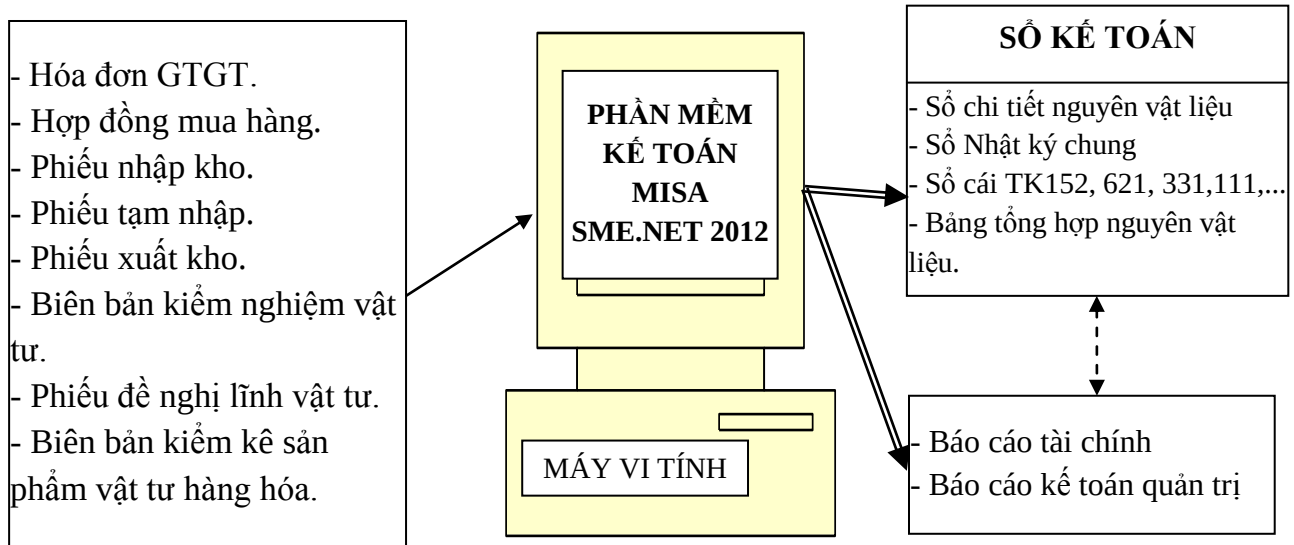
- 1 bản giao cho phòng kế toán
- 1 bản giao cho thủ kho.

Sau khi lập biên bản trưởng ban kiểm kê và các ủy viên cùng ký vào biên bản (ghi rõ họ tên).

2.2.2.2. Quy trình hạch toán

2.2.2.2.1. Quy trình hạch toán

Hàng ngày, sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến, kế toán kiểm tra lại chứng từ. Kế toán sử dụng các chứng từ trên để định khoản vào phần mềm kế toán.



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

2.2.2.2.2. Kế toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

❖ Nhập kho nguyên vật liệu

Ví dụ 3: Ngày 05/06/2012 công ty cổ phần Việt Thịnh nhập 100.000kg xi măng PCB30 HP (đơn giá 1.072,7273 đồng/kg) của doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy với số tiền chưa thanh toán là 107.272.727 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT10%). Trong đó:

- + 55.000 kg xi măng PCB30 HP chuyển đến kho bệnh viện đa khoa Hải An.
- + 45.000 kg xi măng PCB30 HP chuyển đến kho trung tâm y tế dự phòng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 001372 (biểu số 2.2) và bảng báo giá (biểu số 2.1), phòng chất lượng vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu số 2.3), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho. Kế toán vật tư sau khi định khoản nghiệp vụ nhập kho vào phần mềm sẽ in phiếu nhập kho NK0242 (biểu số 2.4 và biểu số 2.5).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Doanh nghiệp tư nhân
Phương Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
_____*_____*_____

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Tên tôi là : Nguyễn Thị Khuyên – Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy.

Địa chỉ : 208 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng.

Điện thoại : 031.3 876709 * Fax: 031.3 876709

Số tài khoản: 10923068688999 – Techcombank – Kiến An – Hải Phòng.

Chúng tôi xin trân trọng kính gửi tới Quý khách bảng báo giá:

STT	Nội dung, quy cách, phẩm chất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Ximăng PCB30 HP	kg	100.000	1.072,7273	107.272.727
	Cộng				107.272.727

Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng.

Giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

Hải phòng, ngày 01 tháng 06 năm 2012

Người lập báo giá

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.1: Bảng báo giá

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 000172

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh **Mẫu số: 03 - VT**
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Quyền, Hải Phòng ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
Ngày 05 tháng 06 năm 2012

Số: KTCL6/14

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Thành Phương	Trưởng ban
+ Ông Trần Hữu Nhì	Ủy viên
+ Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Xi măng PCB30 HP	XM01	Cân	kg	100.000	100.000		

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Hàng đủ tiêu chuẩn nhập kho

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư nhập kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 06 năm 2012

Số: 0242

Nợ: 152

Có: 331

Họ và tên người giao: Đặng Thúy Hằng.

Theo HĐGTGT số 0001372 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy.

Nhập tại kho: K03

Địa điểm : Bệnh viện đa khoa Hải An

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB30 HP	XM01	kg	55.000	55.000	1.072,727	59.000.012
	Cộng	×	×	×	×	×	59.000.012

Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi chín triệu không trăm mười hai đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 05 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho số NK0242 tại bệnh viện Hải An.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 06 năm 2012

Số: 0242

Nợ: 152

Có: 331

Họ và tên người giao: Đặng Thúy Hằng.

Theo HĐGTGT số 0001372 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy.

Nhập tại kho: K31

Địa điểm : Trung tâm y tế dự phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB30 HP	XM01	kg	45.000	45.000	1.072,727	48.272.715
	Cộng	×	×	×	×	×	48.272.715

Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm mười lăm đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 05 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

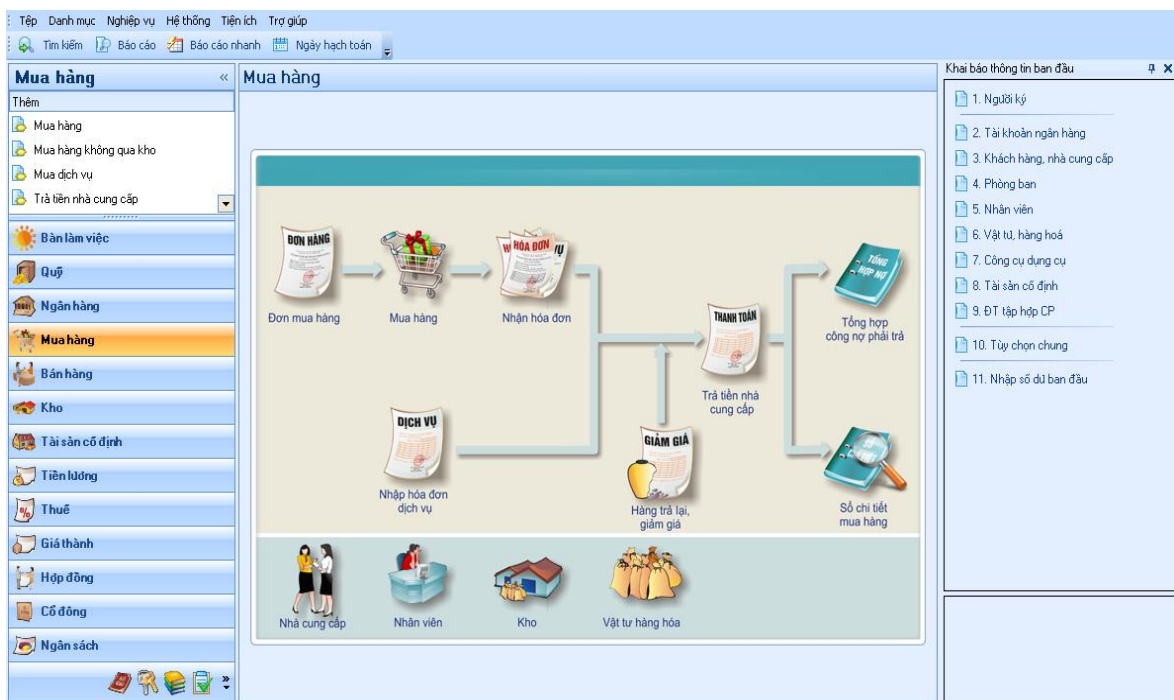
Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Phiếu nhập kho số NK0242 tại trung tâm y tế dự phòng.

Kế toán vật tư tiến hành định khoản nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu vào phần mềm trình tự như sau:

Sau khi mở phần mềm kế toán MISA- SME, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001372, kế toán chọn phân hệ [Mua hàng] (hình ảnh 2.3) trên giao diện vào [Mua hàng] chọn [Mua hàng chưa thanh toán].



Hình ảnh 2.3 : Phân hệ mua hàng

- Tại giao diện mua hàng mới (hình ảnh 2.4), kế toán nhập các nội dung như sau:

- + Ngày: 05/06/2012
- Số chứng từ: NK0242 (phần mềm tự động điền)
- Đối tượng: DNTN_PHUONGTHUY (được khai báo ban đầu cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy).
- Người giao hàng: Đặng Thúy Hằng.
- Diễn giải: Mua ximăng chưa thanh toán.
- + Nhân viên mua hàng: TH_NAM (được khai báo ban đầu cho nhân viên Trần Hữu Nam).
- + Mã hàng: XM01
- + Tài khoản Nợ: 152
- + Tài khoản Có: 331
- + Số lượng:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- 45.000 kg xi măng PCB30 HP (đơn giá: 1.072,727 đồng/kg) chuyển đến kho K31 (được khai báo ban đầu cho trung tâm y tế dự phòng).
- 55.000 kg xi măng PCB30 HP (đơn giá: 1.072,727 đồng/kg) chuyển đến kho K03 (được khai báo ban đầu cho bệnh viện đa khoa Hải An).
- + Thuế GTGT: 10%
- + Loại hóa đơn: Hóa đơn GTGT
- + Mẫu số hóa đơn: 01GTKT3/001
- + Ký hiệu hóa đơn: AA/11P
- + Số hóa đơn: 0001372

Kết thúc, kế toán chọn [Cất] để lưu nghiệp vụ. Kế toán in phiếu nhập kho trên thanh công cụ kế toán chọn [In] chọn [01 – VT Phiếu nhập kho].

Mua hàng

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt

Đã nhận hóa đơn

Thông tin chung

Đối tượng: DNTN_PHUONGTHUY Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy

Địa chỉ: 208 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Người giao: Đặng Thủy Hằng

Đơn giá: Mua xi măng chưa thanh toán

Kèm theo: Chứng từ gốc

Chứng từ

Ngày chứng từ: 05/06/2012

Ngày hạch toán: 05/06/2012

Số chứng từ: NK0242

Mua hàng Đơn hàng Loại tiền Hạn thanh toán NV mua hàng

Trong nước VND TH_NAM

Mã hàng	Đơn vị	Đơn giá	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền
XM01	Xi măng PCB30 HP		K31	152	331	DNTN_ PHUONG...	45.000,00	1.072,727	48.272.715	0,00	
XM01	Xi măng PCB30 HP		K03	152	331	DNTN_ PHUONG...	55.000,00	1.072,727	59.000.012	0,00	
									100.000,00		107.272.727

Số dòng = 2

Công nợ

Thêm đơn hàng

Tổng tiền hàng	Tiền chiết khấu	Tiền thuế GTGT	Tổng tiền thanh toán	Tiền thuế NK	Tiền thuế TTĐB	Chi phí mua hàng	Giá trị nhập kho
107.272.727	0	10.727.273	118.000.000	0	0	0	107.272.727

Hình ảnh 2.4: Giao diện nhập hóa đơn GTGT số 0001372

Phần mềm tự động nhập kho nguyên vật liệu vào phân hệ [Kho] (hình ảnh 2.5).

Giao diện nghiệp vụ sau khi kết thúc (hình ảnh 2.6)

Các thông tin và số liệu được phần mềm tự động cập nhập vào các sổ sách có liên quan như: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ Nhật ký chung; Sổ cái TK152, TK331,...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhập kho từ mua hàng

Thông tin chung

Đối tượng: DNTN_PHUONGTHUY | Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy

Địa chỉ: 208 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Người giao: Đặng Thủy Hằng

Diễn giải: Mua xi măng chưa thanh toán

Kiểm theo: | Chứng từ gốc

Chứng từ

Ngày ghi từ: 05/06/2012

Ngày hạch toán: 05/06/2012

Số chứng từ: NK0242

Mua hàng: Trong nước | Loại tiền: VND | Số tiền: 107.272.727 | PT vận chuyển: | NV mua hàng: TH_NAM

Mã hàng	Mô tả	Đơn vị	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ C
XM01	Xi măng PCB30 HP		K31	152	331	kg	45.000,00	1.072.727	48.272.715	
XM01	Xi măng PCB30 HP		K03	152	331	kg	55.000,00	1.072.727	59.000.012	

Số dòng = 2

100.000,00

107.272.727

Xi măng PCB30 HP - Nhân F2 để xem số tiền của vật tư trên các kho

Hình ảnh 2.5: Giao diện nhập kho NK0242

Nhập kho

Ngày hạch toán: 05/06/2012 | Số chứng từ: NK0242 | Ngày chứng từ: 05/06/2012 | Đối tượng: Doanh nghiệp tư nhân Phú | Diễn giải: Mua xi măng chưa thanh toán

Ngày hạch toán	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Đối tượng	Diễn giải
06/06/2012	NK0245	06/06/2012	Công ty TNHH đầu tư và ph	Mua cát đen chưa thanh toán
06/06/2012	NK0244	06/06/2012	Công ty cổ phần xây dựng	Mua cọc tre chưa thanh toán
05/06/2012	NK0243	05/06/2012	Công ty cổ phần xây dựng	Mua cát đen chưa thanh toán
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Doanh nghiệp tư nhân Phú	Mua xi măng chưa thanh toán
05/06/2012	NK0241	05/06/2012	Doanh nghiệp tư nhân Phú	Mua xi măng chưa thanh toán
05/06/2012	NK0240	05/06/2012	Công ty TNHH đầu tư và ph	Mua cát đen chưa thanh toán
04/06/2012	NK0239	04/06/2012	Công ty TNHH đầu tư và ph	Mua cát đen chưa thanh toán
03/06/2012	NK0238	03/06/2012	Công ty TNHH MTV Thái H	Mua cọc tre chưa thanh toán
03/06/2012	NK0237	03/06/2012	Công ty TNHH đầu tư và ph	Mua cát đen chưa thanh toán
03/06/2012	NK0236	03/06/2012	Anh Nghĩa đá	Mua đá hộc chưa thanh toán
02/06/2012	NK0235	02/06/2012	Công ty CP vật tư XD và V	Mua cọc chưa thanh toán
02/06/2012	NK0234	02/06/2012	CN Công ty ĐT XD và TM tạ	Mua cát đen chưa thanh toán
02/06/2012	NK0233	02/06/2012	Công ty TNHH đầu tư và ph	Mua sika chưa thanh toán

Số dòng = 78

107.272.727

1. Thông tin chung

Ngày hạch toán: 05/06/2012

Số chứng từ: NK0242

Ngày chứng từ: 05/06/2012

Đối tượng: Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy

Địa chỉ: 208 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Diễn giải: Mua xi măng chưa thanh toán

Số tiền: 107.272.727

Hình ảnh 2.6: Giao diện “Kho”/ “Nhập kho”

Ví dụ 4: Ngày 07/06/2012 công ty cổ phần Việt Thịnh nhập thép của doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu với số tiền hàng chưa thanh toán là 916.714.280 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Trong đó:

- + Thép Φ8 :16.350 (đơn giá 16.636 đồng/kg) chuyển đến kho nguyên vật liệu.
- + Thép Φ10:16.750 (đơn giá 16.636 đồng/kg) chuyển đến kho bệnh viện đa khoa Hải An.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Thép Φ25:22.370 (đơn giá 16.364 đồng/kg) chuyển đến kho bệnh viện đa khoa Hải An.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000987 (biểu số 2.7) và bảng báo giá (biểu số 2.6), phòng chất lượng vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu số 2.8), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho. Kế toán vật tư sau khi định khoản nghiệp vụ nhập kho vào phần mềm sẽ in phiếu nhập kho NK0250 (biểu số 2.9 và biểu số 2.10).

Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc _____*				
BẢNG BÁO GIÁ					
Kính gửi : Công ty cổ phần Việt Thịnh.					
Tên tôi là : Nguyễn Thị Khuyên – Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy.					
Địa chỉ : Số 726 Trường Chinh – Phường Quán Trữ – Quận Kiến An –HP					
Điện thoại : 031.3 876854 * Fax: 031.3 790472					
Số tài khoản: 32110000032385 – Ngân hàng đầu tư và phát triển – Hải Phòng					
Chúng tôi xin trân trọng kính gửi tới Quý khách bảng báo giá:					
STT	Nội dung, quy cách, phẩm chất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Thép Φ8	kg	16.350	16.636	271.998.600
02	Thép Φ10	kg	16.750	16.636	278.653.000
03	Thép Φ25	kg	22.370	16.364	366.062.680
	Cộng				916.714.280
Bằng chữ: Chín trăm mười sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi đồng.					
Giá trên chưa bao gồm thuế VAT.					
Hải phòng, ngày 01 tháng 06 năm 2012					
Người lập báo giá (Ký, họ tên)					

Biểu số 2.6: Bảng báo giá thép của doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/11P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0000987		
Ngày 07 tháng 06 năm 2012					
Đơn vị bán hàng : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BẢO CHÂU					
Mã số thuế: 0200438753					
Địa chỉ: Số 726 Trường Chinh – Phường Quán Trữ – Quận Kiến An – Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3 876854 * Fax: 031.3 790472					
Số tài khoản: 32110000032385 – Ngân hàng đầu tư và phát triển – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Trần Hữu Nhì					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Việt Thịnh					
Mã số thuế: 0200462643					
Địa chỉ: Phòng 2 tầng 7 tòa nhà Việt Úc – Lô 16D Lê Hồng Phong – Hải An – Hải Phòng					
Số tài khoản: 32181000181609					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Thép Φ8	kg	16.350	16.636	271.998.600
02	Thép Φ10	kg	16.750	16.636	278.653.000
03	Thép Φ25	kg	22.370	16.364	366.062.680
Cộng tiền hàng:					916.714.280
Thuế suất GTGT: 10 %, Tiền thuế GTGT:					91.671.428
Tổng cộng tiền thanh toán					1.008.385.708
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ không trăm linh tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm linh tám đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT số 0000987

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 03 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM **VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

Số: KTCL6/146

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT ngày 07 tháng 06 năm 2012 của Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Thành Phương	Trưởng ban
+ Ông Trần Hữu Nam	Ủy viên
+ Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
01	Thép Φ8LD	SAT10	Cân	kg	16.350	16.350		
02	Thép Φ10LD	SAT01	Cân	kg	16.750	16.750		
03	Thép Φ25LD	SAT07	Cân	kg	22.370	22.370		

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Hàng đủ tiêu chuẩn nhập kho

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Biên bản kiểm nghiệm vật tư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

Số: 0250

Nợ: 152

Có: 331

Họ và tên người giao: Lê Thị Hằng.

Theo HĐGTGT số 0000987 ngày 07 tháng 06 năm 2012 của Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu.

Nhập tại kho: K03

Địa điểm : Bệnh viện đa khoa Hải An

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Thép Φ10LD	SAT01	kg	16.750	16.750	16.636	278.653.000
02	Thép Φ25LD	SAT07	kg	22.370	22.370	16.364	366.062.680
	Cộng	x	x	x	x	x	644.715.680

Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Sáu trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn sáu trăm tám mươi đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Phiếu nhập kho số NK0250 tại bệnh viện đa khoa Hải An

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

Nợ: 152

Số: 0250

Có: 331

Họ và tên người giao: Lê Thị Hằng.

Theo HĐGTGT số 0000987 ngày 07 tháng 06 năm 2012 của Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu.

Nhập tại kho: K NVL

Địa điểm : Kho Nguyên vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Thép Φ8LD	SAT10	kg	16.350	16.350	16.636	271.998.600
	Cộng	x	x	x	x	x	271.998.600

Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Phiếu nhập kho số NK0250 tại kho Nguyên vật liệu

Kế toán vật tư tiến hành định khoản nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu vào phần mềm trình tự như sau:

Sau khi mở phần mềm kế toán MISA- SME, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000987, kế toán chọn phân hệ [Mua hàng] trên giao diện vào [Mua hàng] chọn [Mua hàng chưa thanh toán].

- Tại giao diện mua hàng mới (hình ảnh 2.7), kế toán nhập các nội dung như sau:

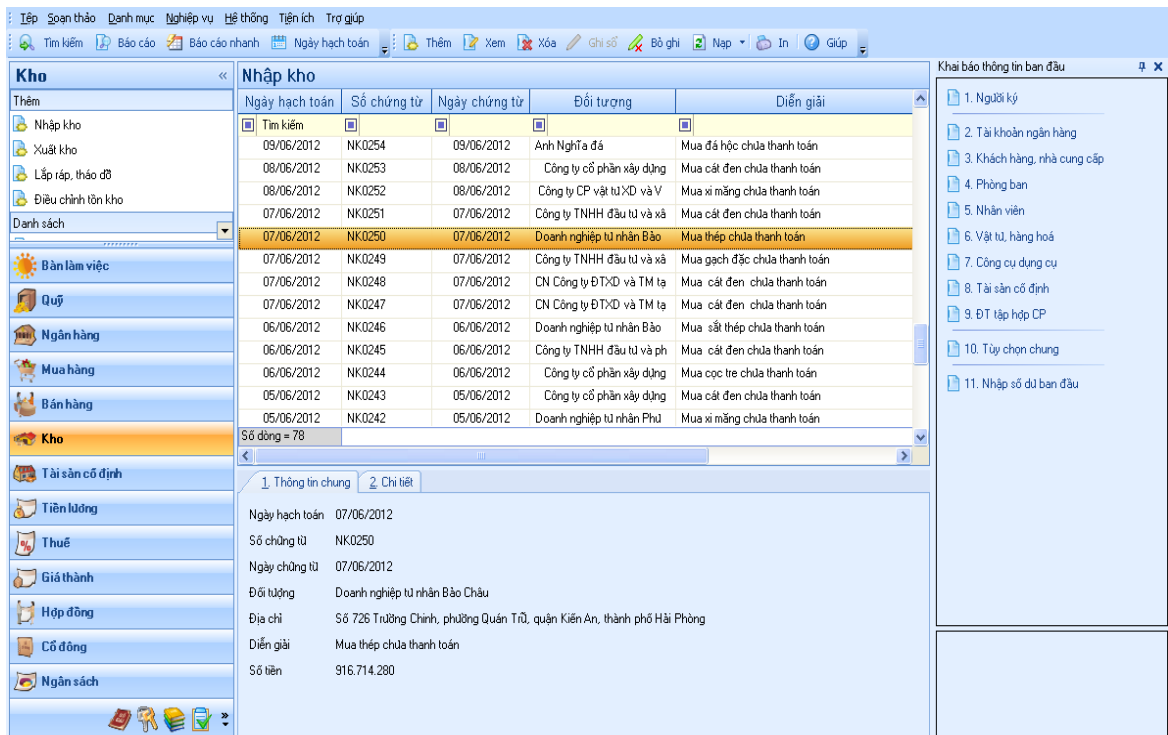
- + Ngày: 07/06/2012
- + Số chứng từ: NK0250 (phần mềm tự động điền)

- + Đối tượng: DNTN_BAOCHAU (được khai báo ban đầu cho Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu).
- + Người giao hàng: Lê Thị Hằng.
- + Diễn giải: Mua thép chưa thanh toán.
- + Nhân viên mua hàng: TH_NHI (được khai báo ban đầu cho nhân viên Trần Hữu Nhì.
 - + Mã hàng:
 - Thép Φ8 :16.350 kg (đơn giá: 16.636 đồng/kg) chuyển đến kho K NVL (được khai báo ban đầu cho kho nguyên vật liệu).
 - Thép Φ10:16.750 kg (đơn giá: 16.636 đồng/kg) chuyển đến kho K03 (được khai báo ban đầu cho kho bệnh viện đa khoa Hải An).
 - Thép Φ25:22.370 kg (đơn giá: 16.364 đồng/kg) chuyển đến kho K03 (được khai báo ban đầu cho kho bệnh viện đa khoa Hải An).
 - + Tài khoản Nợ: 152
 - + Tài khoản Có: 331
 - + Thuế GTGT: 10%
 - + Loại hóa đơn: Hóa đơn GTGT
 - + Mẫu số hóa đơn: 01GTKT3/001
 - + Ký hiệu hóa đơn: AA/11P
 - + Số hóa đơn: 0000987

Kết thúc, kế toán chọn [Cất] để lưu nghiệp vụ. Kế toán in phiếu nhập kho trên thanh công cụ kế toán chọn [In] chọn [01 – VT Phiếu nhập kho].

Giao diện sau khi kết thúc (hình ảnh 2.9).

Phần mềm tự động nhập kho nguyên vật liệu vào phân hệ [Kho] (hình ảnh 2.8). Các thông tin và số liệu được phần mềm tự động cập nhập vào các sổ sách có liên quan như: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ Nhật ký chung; Sổ cái TK152, TK331,...



Hình ảnh 2.9: Giao diện “Kho”/ “Nhập kho”

❖ Xuất kho nguyên vật liệu

Ví dụ 5: Ngày 06/06/2012 công ty cổ phần Việt Thịnh xuất 20.000 kg xi măng PCB30 HP cho Đào Văn Thường phục vụ cho bệnh viện đa khoa Hải An. Căn cứ vào phiếu đề nghị lĩnh vật tư (biểu số 2.11). Kế toán vật tư tiến hành định khoản nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu vào phần mềm sẽ in phiếu xuất kho XK0245 (biểu số 2.12).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh

Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP VẬT TƯ

Ngày 06 tháng 06 năm 2012

Tên tôi là: Đào Văn Thương.

Thuộc bộ phận: Bộ phận thi công

Lý do: Xuất nguyên liệu cho công trình

Đề nghị cấp một số vật liệu như sau:

STT	Vật tư	Mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	Xi măng PCB30 HP	XM01	kg	20.000	

Hải Phòng, ngày 06 tháng 06 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Phòng kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người yêu cầu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Phiếu đề nghị cung cấp vật tư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 06 năm 2012

Nợ: 621

Số: 0245

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Đào Văn Thường

Địa chỉ (bộ phận) : Tổ bê tông

Lý do xuất kho: Xuất xi măng PCB30HP cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An

Xuất tại kho (ngăn lô): K03

Địa điểm : Bệnh viện đa khoa Hải An

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Xi măng PCB30 HP	XM01	kg	20.000	20.000	1.140,909	22.818.173
	Cộng	×	×	×	×	×	22.818.173

Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi hai triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm bảy mươi ba đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 06 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

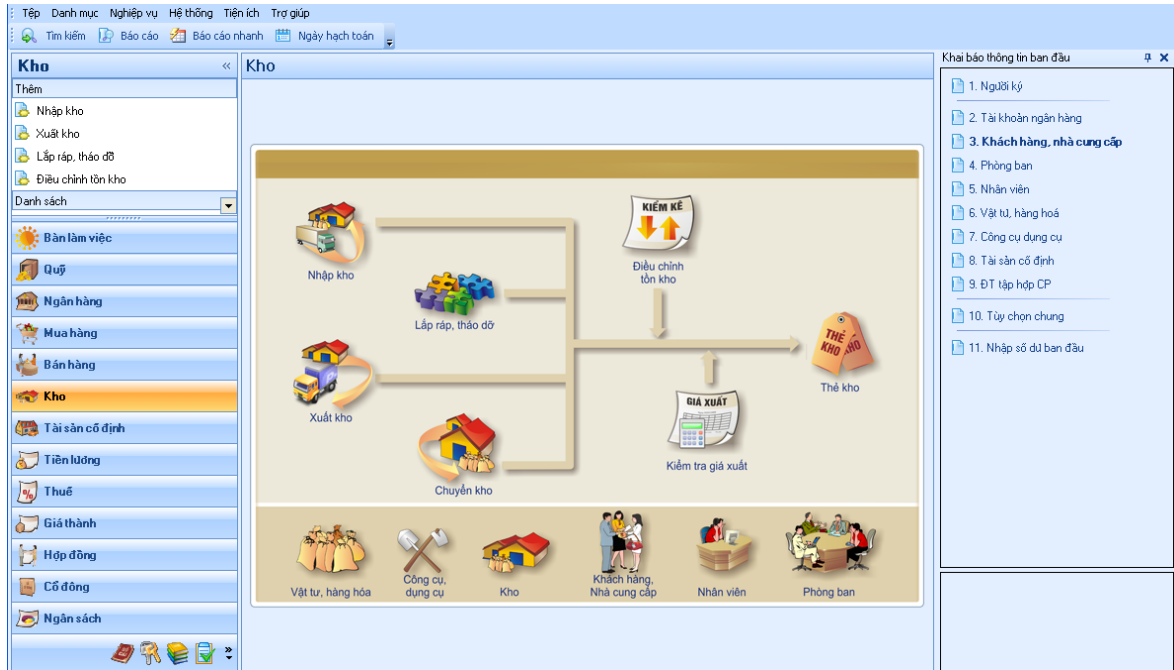
Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số 0245

Trình tự định khoản nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu vào phần mềm như sau:

- Sau khi mở phần mềm kế toán MISA – SME, kế toán vào phân hệ “Kho” (hình ảnh 2.10), chọn [Xuất kho] để tạo phiếu xuất kho mới .



Hình ảnh 2.10: Giao diện phân hệ Kho

- Tại giao diện phiếu xuất kho mới (hình ảnh 2.12), kế toán nhập các thông tin như sau:

- + Ngày: 06/06/2012.
- + Số chứng từ: XK0245 (phần mềm tự động điền).
- + Đối tượng: ĐV_THUONG (được khai báo ban đầu cho Đào Văn Thưởng)
- + Địa chỉ: Tổ bê tông
- + Lý do xuất: Xuất xi măng PCB30HP cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An.
- + Tài khoản Nợ: 621
- + Tài khoản Có: 152
- + Loại tiền: VND
- + Mã hàng: XM01
- + Số lượng: 20.000 kg
- + Chọn kho: K03
- + Các tiêu thức khác phần mềm tự động cập nhật.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

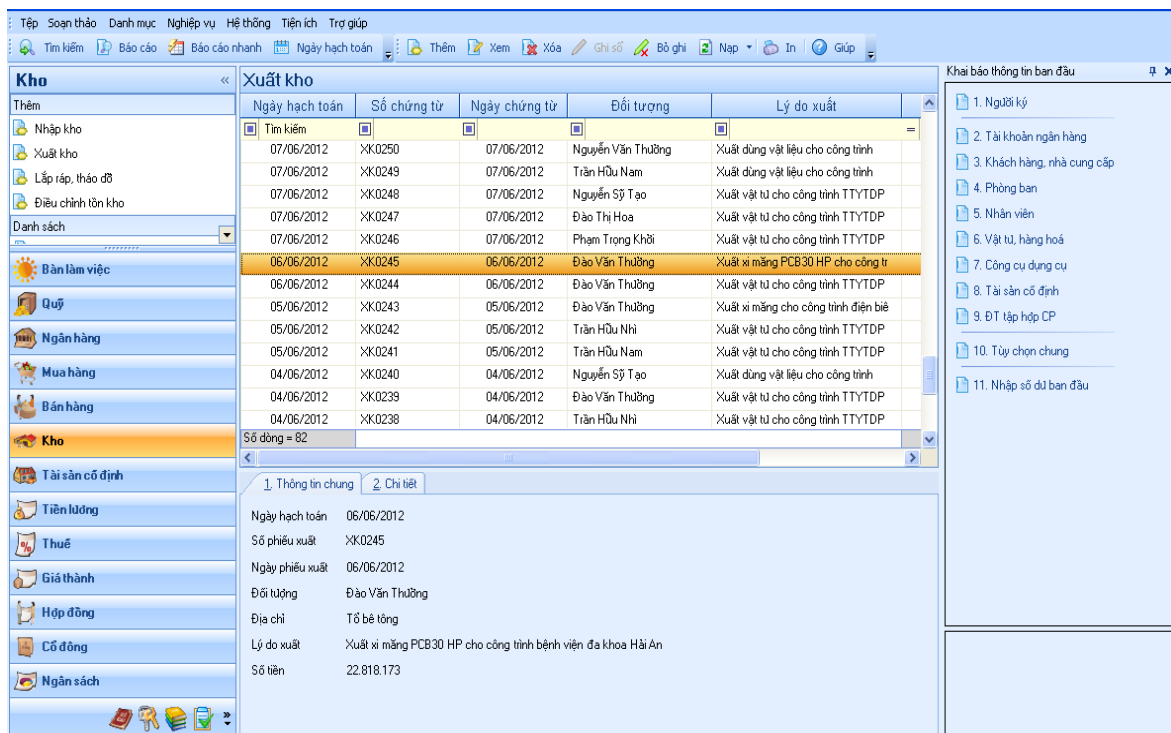
- Số tiền tại cột Đơn giá và Thành tiền sẽ được phần mềm hiển thị theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.
- Kết thúc, kế toán ấn [Cát] để lưu nghiệp vụ.
- Tại giao diện kế toán ấn lệnh [In] chọn phiếu xuất kho để in phiếu xuất kho NK0245. Các phiếu xuất kho vật tư được kế toán vật tư in ra từ phần mềm kế toán phải đảm bảo giá trị vật tư xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giao diện nghiệp vụ khi kết thúc như sau (hình ảnh 2.11).

Mã hàng	Diễn giải	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Mục đích xuất
XK01	Xi măng PCB30 HP	K03	621	152	kg	20.000,00	1.140.909	22.818.173	Xuất dùng
Số dòng = 1						20.000,00		22.818.173	

Xi măng PCB30 HP - Nhấn F2 để xem số tồn của vật tư trên các kho

Hình ảnh 2.11: Giao diện xuất kho XK0245

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Hình ảnh 2.12: Giao diện “Kho”/ “Xuất kho”

Ví dụ 6: Ngày 08/06/2012 công ty cổ phần Việt Thịnh xuất thép $\Phi 10$: 8.795 kg (đơn giá: 16.636 đồng/tấn) cho Nguyễn Sỹ Tạo phục vụ cho thi công công trình bệnh viện đa khoa Hải An. Căn cứ vào phiếu đề nghị lĩnh vật tư (biểu số 2.13). Kế toán vật tư tiến hành định khoản nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu vào phần mềm sẽ in phiếu xuất kho XK0251 (biểu số 2.14).

Công ty cổ phần Việt Thịnh

Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP VẬT TƯ

Ngày 08 tháng 06 năm 2012

Tên tôi là: Nguyễn Sỹ Tạo.

Thuộc bộ phận: Bộ phận thi công

Lý do: Xuất nguyên liệu cho công trình

Đề nghị cấp một số vật liệu như sau:

STT	Vật tư	Mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	Thép $\Phi 10$	SAT01	kg	8.795	

Hải Phòng, ngày 08 tháng 06 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Phòng kỹ thuật	Phụ trách bộ phận	Người yêu cầu
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Phiếu đề nghị cung cấp vật tư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 08 tháng 06 năm 2012

Số: 0251

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Sỹ Tạo

Địa chỉ (bộ phận) : Tổ sắt

Lý do xuất kho: Xuất thép Φ10 cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An.

Xuất tại kho (ngăn lô): K03

Địa điểm : Bệnh viện đa khoa Hải An

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Thép Φ10	SAT01	kg	8.795	8.795	16.636	146.313.620
	Cộng	x	x	x	x	x	146.313.620

Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm mười ba nghìn sáu trăm hai mươi đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 08 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Phiếu nhập kho NK0251 tại bệnh viện đa khoa Hải An.

Trình tự định khoản nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu vào phần mềm như sau:

- Sau khi mở phần mềm kế toán MISA – SME, kế toán vào phân hệ “Kho”, chọn [Xuất kho] để tạo phiếu xuất kho mới.
- Tại giao diện phiếu xuất kho mới (hình ảnh 2.13), kế toán nhập các thông tin như sau:
 - + Ngày: 08/06/2012.
 - + Số chứng từ: XK0251 (phần mềm tự động điền).
 - + Đối tượng: NS_TAO (được khai báo ban đầu cho Nguyễn Sỹ Tạo).
 - + Địa chỉ: Tổ sắt.

- + Lý do xuất: Xuất thép $\Phi 10$ cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An.
 - + Tài khoản Nợ: 621
 - + Tài khoản Có: 152
 - + Loại tiền: VND
 - + Mã hàng: SAT01
 - + Số lượng: 8.795 kg
 - + Chọn kho: K03
 - + Các tiêu thức khác phần mềm tự động cập nhật.
 - Số tiền tại cột Đơn giá và Thành tiền sẽ được phần mềm hiển thị theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.
 - Kết thúc, kế toán ấn [Cất] để lưu nghiệp vụ. Tại giao diện kế toán ấn lệnh [In] chọn phiếu xuất kho để in phiếu xuất kho XK0251.
- Các phiếu xuất kho vật tư được kế toán vật tư in ra từ phần mềm kế toán phải đảm bảo giá trị vật tư xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Giao diện nghiệp vụ khi kết thúc như sau(hình ảnh 2.14).
- Các thông tin và số liệu được phần mềm tự động nhập vào các sổ sách có liên quan như: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ Nhật ký chung; Sổ cái TK152, TK621,...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xuất kho

Thông tin chung

Đối tượng: NS_TAO | Nguyễn Sỹ Tạo

Địa chỉ: Tổ sắt

Người nhận: Nguyễn Sỹ Tạo

Lý do xuất: Xuất dùng thép Φ10LD cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An

Kèm theo: ☐ Xuất kho theo định mức NVL | Số lượng thành phẩm: 1.00

Chứng từ

Ngày chứng từ: 08/06/2012

Ngày hạch toán: 08/06/2012

Số chứng từ: XK.0251

Mã hàng	Diễn giải	Kho	TK.Ng	TK.Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Mục đích xuất
SAT01	Thép Φ10LD	K03	621	152	kg	8.795,00	16.636,00	146.313.620	Xuất dùng
Số dòng = 1						8.795,00		146.313.620	

Hình ảnh 2.13: Giao diện xuất kho XK0251

Kho

Xuất kho

Ngày hạch toán: 08/06/2012

Số chứng từ: XK.0251

Ngày chứng từ: 08/06/2012

Đối tượng: Nguyễn Sỹ Tạo

Lý do xuất: Xuất dùng thép Φ10LD cho công trình bệnh viện đa khoa Hải An

Số tiền: 146.313.620

Thêm

Nhập kho

Xuất kho

Lập ráp, tháo dỡ

Điều chỉnh tồn kho

Danh sách

Bàn làm việc

Quỹ

Ngân hàng

Mua hàng

Bán hàng

Kho

Tài sản cố định

Tiền lương

Thuế

Giá thành

Hợp đồng

Cổ đông

Ngân sách

Khái báo thông tin ban đầu

1. Người ký

2. Tài khoản ngân hàng

3. Khách hàng, nhà cung cấp

4. Phòng ban

5. Nhân viên

6. Vật tư, hàng hoá

7. Công cụ dụng cụ

8. Tài sản cố định

9. DT tập hợp CP

10. Tùy chọn chung

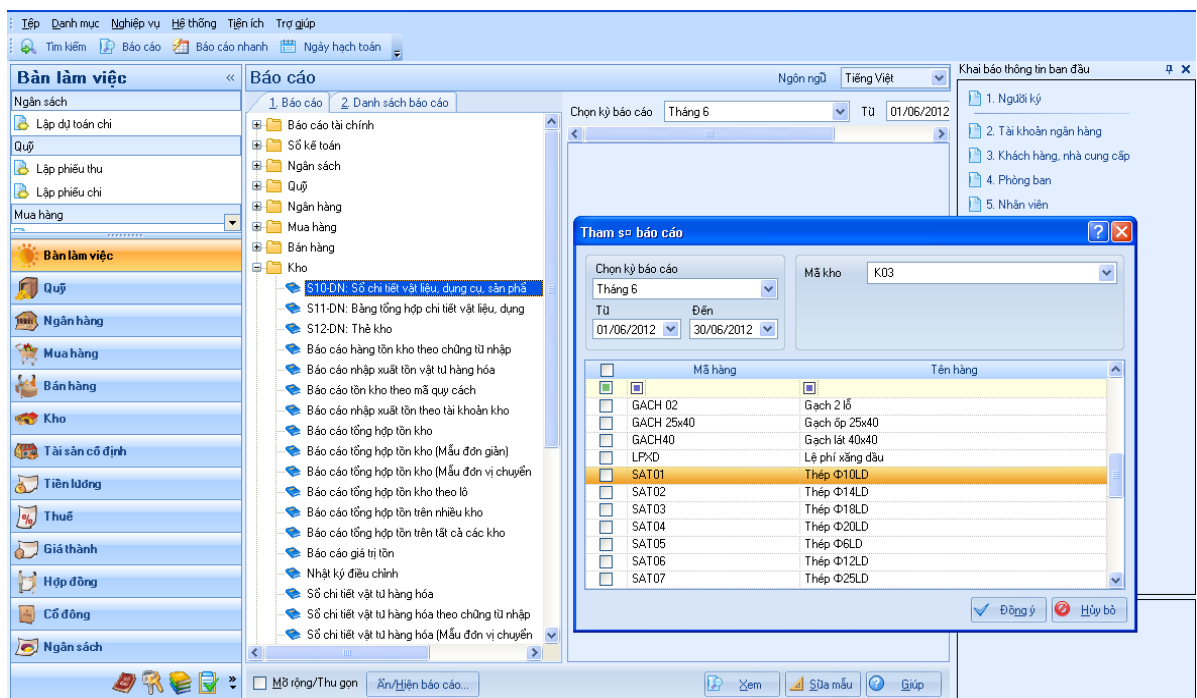
11. Nhập số dư ban đầu

Hình ảnh 2.14: Giao diện “Kho”/ “Xuất kho”

❖ Cách xem và in ấn sổ sách kế toán trên phần mềm MISA – SME.

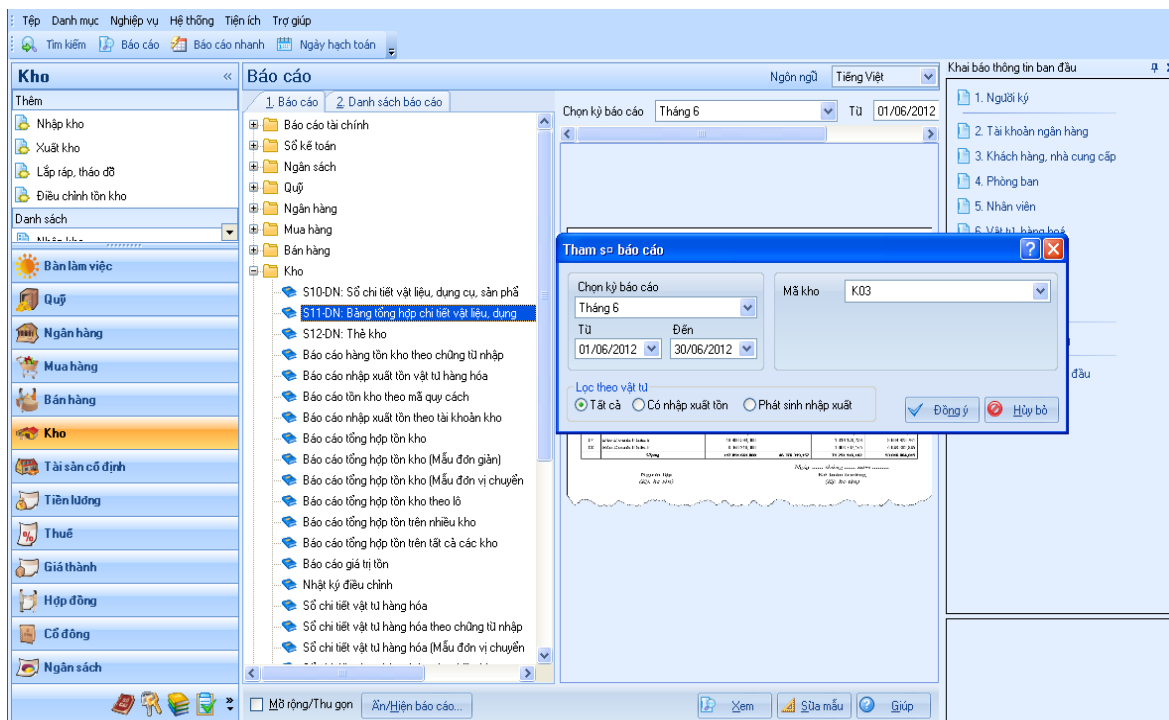
Để xem các sổ sách và các báo cáo vật tư, kế toán thực hiện như sau:

- + Trên thanh công cụ chọn [Báo cáo].
- + Để xem sổ chi tiết vật liệu của Ximăng PCB30 HP, kế toán vào [Kho] chọn [Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa] chọn Ximăng PCB30 HP và tháng 6. Sau đó chọn [Đồng ý] (hình ảnh 2.15).



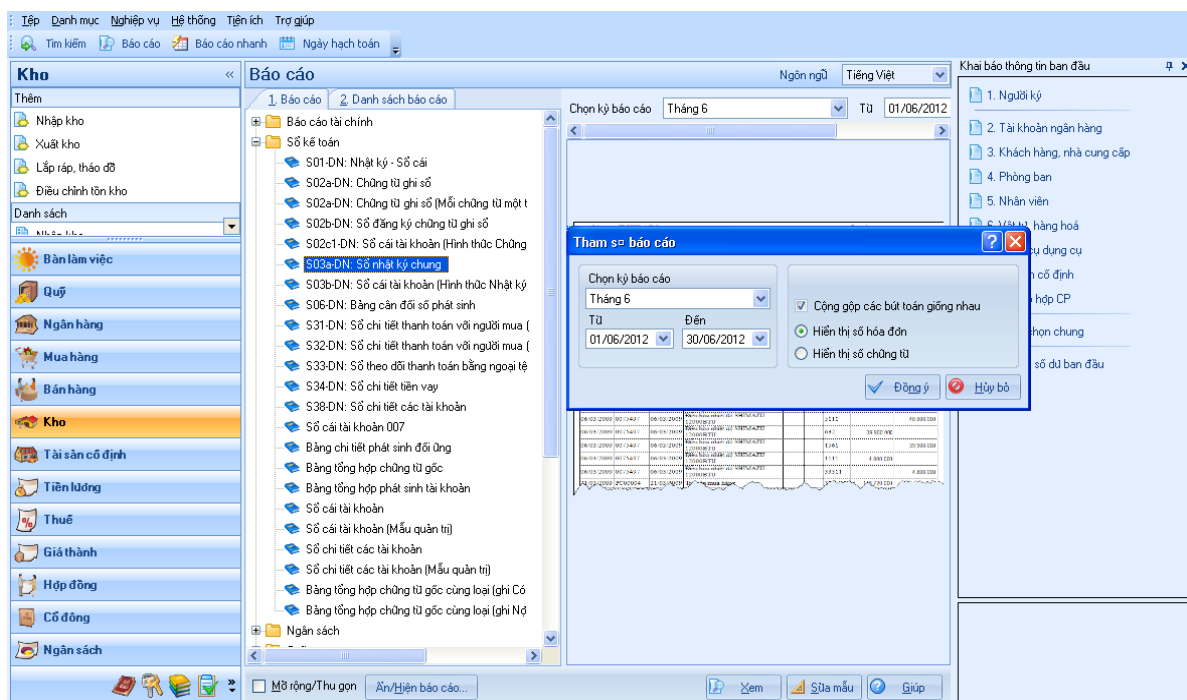
Hình ảnh 2.15: Giao diện “Kho”/ “Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa”

- + Kế toán thao tác tương tự để xem các báo cáo vật tư khác, bao gồm: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (hình ảnh 2.16),...



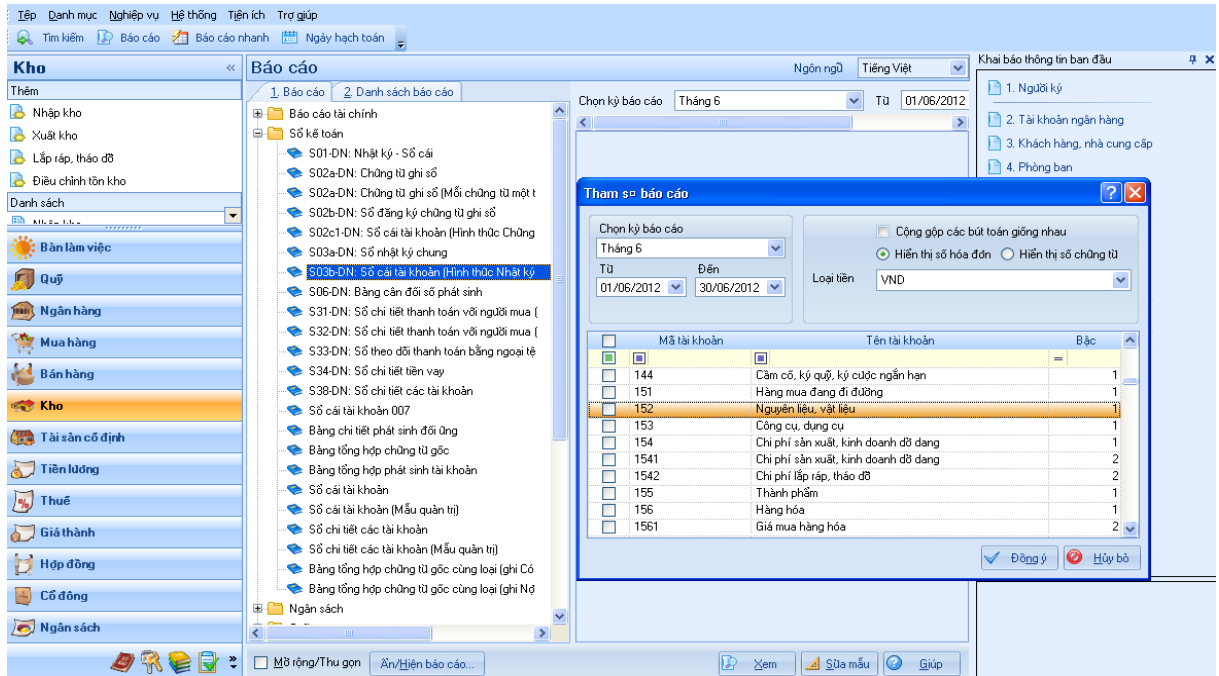
Hình ảnh 2.16: Giao diện “Kho”/ “Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa”

+ Để xem sổ Nhật ký chung, kế toán vào [Sổ kế toán] chọn [Sổ nhật ký chung], rồi chọn tháng 6. Sau đó, chọn [Đồng ý]. (Hình ảnh 2.17).



Hình ảnh 2.17: Giao diện “Sổ kế toán” / “Sổ Nhật ký chung”

+ Để xem sổ cái TK152, kế toán vào [Sổ kế toán] chọn [Sổ cái tài khoản theo hình thức nhật ký chung], rồi chọn tháng 6 và tài khoản 152. Sau đó, chọn [Đồng ý]. (hình ảnh 2.18).



Hình ảnh 2.18: Giao diện “Sổ kế toán” / “Sổ Cái theo hình thức Nhật ký chung”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận
Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S12 - D
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/06/2012

Tờ số:

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Ximăng PCB30 HP
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số: XM01

Số TT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu kỳ				68.000	
01	01/06/2012	NK0230		Nhập kho	01/06/2012	40.000		108.000	
02	01/06/2012	NK0229		Nhập kho	01/06/2012	80.000		188.000	
03	02/06/2012		XK0232	Xuất kho	02/06/2012		40.000	148.000	
04	03/06/2012		XK0237	Xuất kho	03/06/2012		20.000	128.000	
05	04/06/2012		XK0239	Xuất kho	04/06/2012		20.000	108.000	
06	05/06/2012		XK0243	Xuất kho	05/06/2012		20.000	88.000	
07	05/06/2012	NK0242		Nhập kho	05/06/2012	55.000		143.000	
08	06/06/2012		XK0245	Xuất kho	06/06/2012		20.000	123.000	
09	08/06/2012		XK0252	Xuất kho	08/06/2012		20.000	103.000	
10	10/06/2012		XK0262	Xuất kho	10/06/2012		35.000	68.000	
11	12/06/2012		XK0266	Xuất kho	12/06/2012		30.000	38.000	
12	12/06/2012	NK0261		Nhập kho	12/06/2012	45.000		83.000	
13	15/06/2012		XK0270	Xuất kho	15/06/2012		30.000	53.000	
14	19/06/2012		XK0283	Xuất kho	19/06/2012		30.000	23.000	
15	20/06/2012	NK0284		Nhập kho	20/06/2012	40.000		63.000	
16	21/06/2012		XK0290	Xuất kho	21/06/2012		30.000	33.000	
17	21/06/2012	NK0288		Nhập kho	21/06/2012	80.000		113.000	
18	23/06/2012		XK0294	Xuất kho	23/06/2012		30.000	83.000	
19	25/06/2012		XK0301	Xuất kho	25/06/2012		30.000	53.000	
20	27/06/2012		XK0305	Xuất kho	27/06/2012		20.000	33.000	
				Phát sinh trong kỳ		340.000	375.000		
				Cộng cuối kỳ				33.000	

- Sổ này có 03 trang, đánh từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ: 01/01/2012

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Thẻ kho ximăng PCB30 HP tại kho bệnh viện đa khoa Hải An

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S12 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/06/2012

Tờ số:

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Thép Φ10
- Đơn vị tính: Tấn
- Mã số: SAT01

Số TT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu kỳ				-	
01	07/06/2012	NK0250		Nhập kho	07/06/2012	16.750			
02	08/06/2012		XK0251	Xuất kho	08/06/2012		8.795		
03	10/06/2012		XK0261	Xuất kho	10/06/2012		7.955		
				Phát sinh trong kỳ		16.750	16.750		
				Cộng cuối kỳ				-	

- Sổ này có 01 trang, đánh từ trang 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: 01/01/2012

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Thẻ kho thép Φ10 tại kho bệnh viện đa khoa Hải An

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh

Mẫu số: S10-DN

Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 6 năm 2012

Mã kho: K03 Tài khoản : 152 Tên quy cách nguyên vật liệu: Xi măng PCB30 HP

Tên kho : Bệnh viện đa khoa Hải An

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
Mã hàng: XM01		Tên hàng: Ximăng PCB HP30										
		Số dư đầu kỳ			1.150					68.000	78.200.000	
		Số phát sinh trong kỳ										
NK0230	01/06/2012	Nhập mua xi măng cho CT	331	kg	1.127,273	40.000	45.090.909			108.000	123.290.909	
NK0229	01/06/2012	Nhập mua xi măng cho CT	331	kg	1.150	80.000	92.000.000			188.000	215.290.909	
XK0232	02/06/2012	Xuất xi măng cho CT	621	kg	1.150			40.000	46.000.000	148.000	169.290.909	
		...										
NK0242	05/06/2012	Nhập mua xi măng cho CT	331	kg	1.072,727	55.000	59.000.012			143.000	160.018.185	
XK0245	06/06/2012	Xuất xi măng cho CT	621	kg	1.140,909			20.000	22.818.173	123.000	137.200.012	
		...										
XK0305	27/06/2012	Xuất xi măng cho CT	621	kg	1.150			20.000	23.000.000	33.000	37.950.000	
		Cộng số phát sinh				340.000	386.999.981	375.000	427.249.981			
		Số dư cuối kỳ								33.000	37.950.000	

Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

Ngày mở sổ: 01/01/2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Trích sổ chi tiết xi măng PCB30 HP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh

Mẫu số: S10-DN

Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 6 năm 2012

Mã kho: K03 Tài khoản : 152 Tên quy cách nguyên vật liệu: Thép Φ10

Tên kho : Bệnh viện đa khoa Hải An

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
Mã hàng: SAT01		Tên hàng: Sắt Φ10										
		Số dư đầu kỳ								-	-	
		Số phát sinh trong kỳ										
NK0250	07/06/2012	Nhập mua sắt thép cho CT	331	kg	16.636	16.750	278.653.000			16.750	278.653.000	
XK0251	08/06/2012	Xuất dùng vật liệu cho CT	621	kg	16.636			8.795	146.313.620	7.955	132.339.380	
XK0261	10/06/2012	Xuất dùng vật liệu cho CT	621	kg	16.636			7.955	132.339.380			
		Cộng số phát sinh				16.750	278.653.000	16.750	278.653.000			
		Số dư cuối kỳ								-	-	

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01

Ngày mở sổ: 01/01/2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Trích sổ chi tiết thép Φ10

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S11-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 6 năm 2012

Mã kho: K03 Tài khoản : 152

Tên kho : Bệnh viện đa khoa Hải An

Đơn vị tính: VND

STT	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
01	Cát vàng				
02	Cát vàng Vĩnh Phú				
03	Đá 1x2				
04	Đá 2x4				
05	Đá 4x6				
06	Dây thép buộc				
07	Dây dẫn điện 2x2,5				
08	Gạch chi				
09	Lưới bảo vệ				
10	Sắt Φ10		278.653.000	278.653.000	
11	Sắt Φ14				
12	Sắt Φ18	153.315.800		153.315.800	
13	Sắt Φ20	284.282.000	551.600.000	667.322.000	168.560.000
14	Sắt Φ6				
15	Sắt Φ25		845.662.680	845.662.680	
16	Sắt Φ8		153.184.000	153.184.000	
17	Sắt Φ16				
18	Sắt Φ22	173.440.936	413.008.000	414.672.936	171.776.000
19	Sắt Φ28				
20	Sắt Φ32				
21	Sikwaterbar		34.008.000	34.008.000	
22	Tôn tấm 0.5				
23	Xi măng HP PC30	78.200.000	386.999.981	427.249.981	37.950.000
	Cộng TK 152	689.238.736	2.663.115.661	2.974.068.397	378.286.000

Biểu số 2.19: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tại bệnh viện đa khoa Hải An.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Quá trình thanh toán tiền mua vật tư theo hóa đơn GTGT 0000987 ngày 07 tháng 06 năm 2012 cho doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu:

- Ngày 11 tháng 06 năm 2012 công ty cổ phần Việt Thịnh vay ngắn hạn ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng 800.000.000 đồng, để thanh toán tiền mua vật tư cho nhà cung cấp. Căn cứ vào ủy nhiệm chi UNC0142 (biểu số 2.20).

- Ngày 13 tháng 06 năm 2012 công ty cổ phần Việt Thịnh vay ngắn hạn ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng 700.000.000 đồng, để thanh toán tiền mua vật tư cho doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu. Trong đó, thanh toán nốt tiền hàng theo hóa đơn GTGT 0000987 số tiền: 208.385.708 đồng . Căn cứ vào ủy nhiệm chi UNC0143 (biểu số 2.21).

ỦY NHIỆM CHI- PAYMENT ORDER			
Ngày (Date): 11/06/2012			
ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit Account)		SỐ TIỀN (With amount)	PHÍ NH (Bank charges)
Số TK (A/C No):	32181000181609	BẰNG SỐ (Infigures):	800.000.000 VNĐ
TÊN TK (A/C name): Công ty cổ phần Việt Thịnh. ĐỊA CHỈ (Address): Số 44B – Lê Lai – Ngô Quyền – HP TẠI NH (With bank): BIDV - Hải Phòng.		Tám trăm triệu đồng chẵn./.	Phí trong ☐
			Including ☐
			Phí trong ☐
			Excluding ☐
VÀ GHI CỐ TÀI KHOẢN (Please Credit Account)		NỘI DUNG (Detail of Payment):	
Số TK (A/C No):	32110000032385	Thanh toán một phần tiền mua hàng	
TÊN TK (A/C name): Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu ĐỊA CHỈ (Address): Số 726 Trường Chinh-Quán Trữ- Kiến An-Hải Phòng TẠI NH(With Bank): BIDV - Hải Phòng		KÊ TOÁN KÝ CHIEF ACCOUNTANT	CHỦ TÀI KHOẢN KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ACC Holder & Stamp
DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) MÃ VAT			
Thanh toán viên		Kiểm soát	Giám đốc

Biểu số 2.20: Ủy nhiệm chi UNC0142

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ỦY NHIỆM CHI- PAYMENT ORDER

Ngày (Date): 13/06/2012

ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit Account)

SỐ TIỀN (With amount)

PHÍ NH (Bank charges)

Số TK (A/C No): **32181000181609**

BẢNG SỐ (Infigures): **700.000.000 VNĐ**

TÊN TK (A/C name): **Công ty cổ phần Việt Thịnh.**
 ĐỊA CHỈ (Address): **Số 44B – Lê Lai – Ngô Quyền – HP**
 TẠI NH (With bank): **BIDV - Hải Phòng.**

Bảy trăm triệu đồng chẵn./.

Phí trong ☐
 Including ☐
 Phí trong ☐
 Excluding ☐

VÀ GHI CÓ TÀI KHOẢN (Please Credit Account)

NỘI DUNG (Detail of Payment):

Số TK (A/C No): **32110000032385**

Thanh toán tiền mua hàng

TÊN TK (A/C name): **Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu**
 ĐỊA CHỈ (Address): **Số 726 Trường Chinh-Quán Trữ-
 Kiến An-Hải Phòng**
 TẠI NH(With Bank): **BIDV - Hải Phòng**

KÊ TOÁN KÝ
 CHIEF ACCOUNTANT

CHỦ TÀI KHOẢN KÝ VÀ ĐÓNG DẤU
 ACC Holder & Stamp

DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) **MÃ VAT**

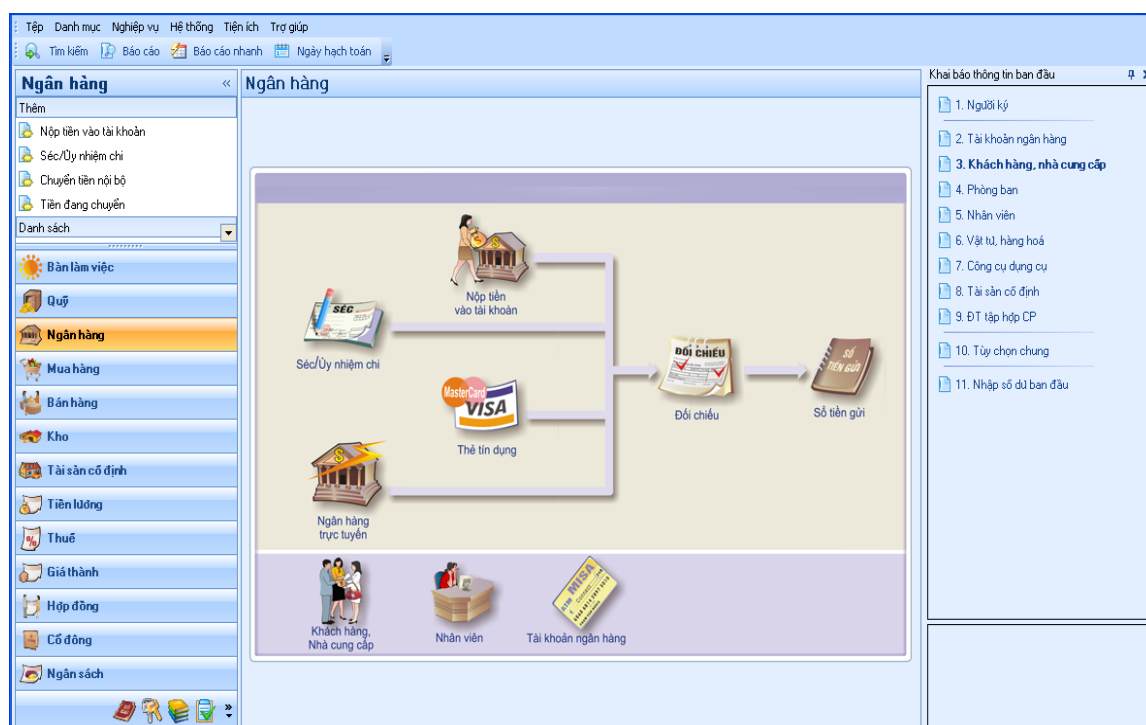
Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc

Biểu số 2.21: Ủy nhiệm chi UNC0143

Sau khi nhận được Sổ tài khoản khách hàng kế toán vào giao diện phân hệ [Ngân hàng] chọn [Séc/ Ủy nhiệm chi] (hình ảnh 2.19) để lập Ủy nhiệm chi số UNC0142 (hình ảnh 2.20) và số UNC0143 (hình ảnh 2.21) trên phần mềm kế toán sau:



Hình ảnh 2.19: Giao diện phân hệ “Ngân hàng”/ “Ủy nhiệm chi”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Séc/Ủy nhiệm chi

Loại đối tượng: Nhà cung cấp

☒ Ủy nhiệm chi ☐ Séc chuyển khoản ☐ Séc tiền mặt

Đơn vị trả tiền

Tài khoản: 32181000181609 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Nội dung TT: Thanh toán một phần tiền hàng

Đối tượng nhận tiền

Đối tượng: DN_TN BAOCHAU Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu
Địa chỉ: Số 726 Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
Tài khoản: 32110000032385 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chứng từ

Ngày chứng từ: 11/01/2012
Ngày hạch toán: 11/01/2012
Số chứng từ: UNC0142

Loại tiền: VND Số tiền: 800.000.000 NV mua hàng

1. Hạch toán	2. Thuế	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Mục chi	ĐT tập hợp CP	Hợp đồng	Mã thống kê
		Thanh toán một phần tiền hàng	311	1121	800.000.000	DN_TN BAOCHAU	621			
Số dòng = 1					800.000.000					

Hình ảnh 2.20: Giao diện Ủy nhiệm chi UNC0142

Séc/Ủy nhiệm chi

Loại đối tượng: Nhà cung cấp

☒ Ủy nhiệm chi ☐ Séc chuyển khoản ☐ Séc tiền mặt

Đơn vị trả tiền

Tài khoản: 32181000181609 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Nội dung TT: Thanh toán một phần tiền hàng

Đối tượng nhận tiền

Đối tượng: DN_TN BAOCHAU Doanh nghiệp tư nhân Bảo Châu
Địa chỉ: Số 726 Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
Tài khoản: 32110000032385 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chứng từ

Ngày chứng từ: 13/06/2012
Ngày hạch toán: 13/06/2012
Số chứng từ: UNC0143

Loại tiền: VND Số tiền: 700.000.000 NV mua hàng

1. Hạch toán	2. Thuế	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Mục chi	ĐT tập hợp CP	Hợp đồng	Mã thống kê
		Thanh toán một phần tiền hàng	311	1121	700.000.000	DN_TN BAOCHAU	621			
Số dòng = 1					700.000.000					

Sunday, May 19, 2013

Hình ảnh 2.21: Giao diện Ủy nhiệm chi UNC0143

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh **Mẫu số: S31- DN**
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tháng 6 năm 2012

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy

Đơn vị: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E		1	2	1	2
			Số dư đầu kỳ						313.961.344
			Số phát sinh trong kỳ						
01/06/2012	NK0230	01/06/2012	Nhập mua xi măng cho CT	152	01/06/2012		45.090.909		359.052.253
01/06/2012	NK0230	01/06/2012	Thuế GTGT đầu vào	1331	01/06/2012		4.509.091		363.561.344
05/06/2012	NK0241	05/06/2012	Nhập mua xi măng	152	05/06/2012		39.454.555		403.015.899
05/06/2012	NK0241	05/06/2012	Thuế GTGT đầu vào	1331	05/06/2012		3.945.455		406.961.354
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Nhập mua xi măng cho CT	152	05/06/2012		107.272.727		514.234.081
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Thuế GTGT đầu vào	1331	05/06/2012		10.727.273		524961354
18/06/2012	NVK0269	18/06/2012	Nhận hoá đơn xi măng cho các CT	1331	18/06/2012		12.681.818		537.643.172
			Cộng số phát sinh				223.681.828		
			Số dư cuối kỳ						537.643.172

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ: 01/01/2012

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22: Sổ chi tiết thanh toán cho doanh nghiệp tư nhân Phương Thủy

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngõ
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số phát sinh trong kỳ					
			...					
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Nhập kho xi măng PCB30 HP	x		152	107.272.727	
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Nhập kho xi măng PCB30 HP	x		331		107.272.727
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Thuế GTGT đầu vào	x		1331	10.727.273	
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Thuế GTGT đầu vào	x		331		10.727.273
			...					
06/06/2012	XK0245	06/06/2012	Xuất kho xi măng PCB30 HP	x		621	22.818.173	
06/06/2012	XK0245	06/06/2012	Xuất kho xi măng PCB30 HP	x		152		22.818.173
			...					
07/06/2012	NK0249	07/06/2012	Nhập kho gạch đặc	x		152	7.500.000	
07/06/2012	NK0249	07/06/2012	Nhập kho gạch đặc	x		331		7.500.000
07/06/2012	XK0248	07/06/2012	Xuất kho gạch đặc	x		621	7.500.000	
07/06/2012	XK0248	07/06/2012	Xuất kho gạch đặc	x		152		7.500.000
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập mua thép Φ8	x		152	271.998.600	
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập mua thép Φ8	x		331		271.998.600
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập mua thép Φ10	x		152	278.653.000	
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập mua thép Φ10	x		331		278.653.000
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập mua thép Φ25	x		152	366.062.680	
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập mua thép Φ25	x		331		366.062.680
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Thuế GTGT đầu vào	x		1331	91.671.428	
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Thuế GTGT đầu vào	x		331		91.671.428
			...					
08/06/2012	XK0251	08/06/2012	Xuất kho thép Φ10	x		621	146.313.620	
08/06/2012	XK0251	08/06/2012	Xuất kho thép Φ10	x		152		146.313.620
			...					
20/06/2012	NK0286	20/06/2012	Nhập kho cát Hà Bắc	x		152	957.000	
20/06/2012	NK0286	20/06/2012	Nhập kho cát Hà Bắc	x		331		957.000
20/06/2012	XK0284	20/06/2012	Xuất kho cát Hà Bắc	x		621	957.000	
20/06/2012	XK0284	20/06/2012	Xuất kho cát Hà Bắc	x		152		957.000
			...					
23/06/2012	NK0294	23/06/2012	Nhập kho cát vàng Vĩnh phú	x		152	2.000.000	
23/06/2012	NK0294	23/06/2012	Nhập kho cát vàng Vĩnh phú	x		331		2.000.000
23/06/2012	XK0292	23/06/2012	Xuất kho cát vàng Vĩnh phú	x		621	2.000.000	
23/06/2012	XK0292	23/06/2012	Xuất kho cát vàng Vĩnh phú	x		152		2.000.000
			...					
			Cộng số phát sinh				42.110.747.246	42.110.747.246
			Số lũy kế chuyển kỳ sau				42.110.747.246	42.110.747.246

Biểu số 2.23: Trích Sổ Nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				8.319.948.990	
			Số phát sinh trong kỳ					
01/06/2012	NK0228	01/06/2012	Nhập kho xi măng PCB30 HP			331	57.500.000	
			...					
05/06/2012	NK0240	05/06/2012	Nhập kho cát đen			331	2.250.000	
01/06/2012	NK0241	01/06/2012	Nhập kho xi măng HP PC30			331	39.454.555	
05/06/2012	NK0242	05/06/2012	Nhập kho xi măng PCB30 HP			331	107.272.727	
05/06/2012	XK0241	05/06/2012	Xuất kho cát đen			621		2.250.000
			...					
06/06/2012	XK0245	06/06/2012	Xuất kho xi măng PCB30 HP			621		22.818.173
			...					
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập kho thép Φ8			331	271.998.600	
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập kho thép Φ10			331	278.653.000	
07/06/2012	NK0250	07/06/2012	Nhập kho thép Φ25			331	366.062.680	
			...					
08/06/2012	XK0251	08/06/2012	Xuất kho thép Φ10			621		146.313.620
			...					
30/06/2012	NK0305	30/06/2012	Nhập kho xi măng PCB30 HP			331	37.464.882	
			Cộng số phát sinh				10.259.284.269	7.902.915.131
			Số dư cuối kỳ				10.676.318.128	

Biểu số 2.24: Trích Sổ cái TK152

❖ Công tác tổ chức kiểm kê vật tư.

Mục đích của kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty.

Hiện nay, công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu sáu tháng một lần tại kho trong doanh nghiệp. Số lượng kiểm kê sổ sách kế toán phải được chuẩn bị từ trước theo từng loại, từng kho hoặc từng đơn vị quản lý sử dụng tài sản để phân nhóm tổ chức kiểm kê.

Biên bản kiểm kê không chỉ có nhiệm vụ kiểm đếm chính xác số hiện có của nguyên vật liệu, mà còn phải xác định chính xác phẩm chất, tình trạng hiện có của chúng. Kết quả kiểm kê được phản ánh trên Biên bản kiểm kê. Kết quả kiểm kê được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo công ty xem xét và cho phương án xử lý theo quy định chung. Biên bản kiểm kê là cơ sở của kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ tiếp theo.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 05 - VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Số:01

Thời điểm kiểm kê 8 giờ ngày 30 tháng 06 năm 2012

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Nguyễn Thành Huân Chức vụ: Kế toán trưởng
 - Ông: Nguyễn Thành Phương Chức vụ: Cán bộ Vật tư
 - Ông: Bùi Huy Hiệp Chức vụ: TP. Kỹ thuật

Đại diện: Phòng kế toán
 Đại diện: Phòng vật tư
 Đại diện: Phòng kỹ thuật

Trưởng ban
 Ủy viên
 Ủy viên

Đã kiểm kê kho những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
	Thép Φ10	SAT01	Kg	15.062	35.933	541.223.850	35.933	541.223.850	—	—	—	—	—	—	—
	Thép Φ14	SAT02	Kg	14.993	38.751	580.979.400	38.751	580.979.400	—	—	—	—	—	—	—
	Thép Φ18	SAT03	Kg	15.963	53.430	852.889.700	53.430	852.889.700	—	—	—	—	—	—	—
	Thép Φ20	SAT04	Kg	15.783	58.194	918.475.850	58.194	918.475.850	—	—	—	—	—	—	—
	Thép Φ6	SAT05	Kg	16.301	30.172	491.834.360	30.172	491.834.360	—	—	—	—	—	—	—
	Thép Φ12	SAT06	Kg	15.980	65.938	1.053.706.140	65.938	1.053.706.140	—	—	—	—	—	—	—
	Thép Φ25	SAT07	Kg	15.700	7.750	121.675.000	7.750	121.675.000	—	—	—	—	—	—	—
	...														
	Xi măng HP PC30	XM01	Kg	1.150,515	3.659.700	4.210.540.654	3.659.700	4.210.540.654	—	—	—	—	—	—	—
	Cộng				4.066.825	10.676.318.128	4.066.825	10.676.318.128							

Thủ trưởng đơn vị
 (Ý kiến giải quyết số chênh lệch)
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Trưởng Ban kiểm kê
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Trích biên bản kiểm kê vật tư

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH

3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

Công ty cổ phần Việt Thịnh là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và nhận thầu xây dựng các công trình lớn. Suốt quá trình hình thành và phát triển của mình công ty luôn là nhân tố tích cực trong việc thực hiện các chức năng của mình, góp phần làm ổn định các công trình lớn trong thành phố và các công trình lân cận. Tuy nhiên, công ty cũng gặp phải không ít các khó khăn, thử thách; đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành. Song với sự nỗ lực của mình, công ty vẫn phát triển không ngừng, sản phẩm của công ty luôn đảm bảo chất lượng và ngày càng có uy tín trên thị trường.

Qua thời gian thực tập, em đã được tìm hiểu thực tế về tình hình quản lý cũng như công tác kế toán tại công ty. Xét thấy công ty đã đạt được những thành công lớn, bên cạnh đó thì cũng tồn tại một số hạn chế cần khắc phục.

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về tổ chức sản xuất

- Với ngành nghề kinh doanh là xây dựng, sản phẩm chính là các công trình. Vì vậy, công ty luôn sử dụng các thiết bị máy móc hiện đại để đáp ứng các yêu cầu phục vụ cho sản xuất thi công các công trình.

- Song song với công tác tổ chức sản xuất là các công tác an toàn lao động cũng được công ty đặc biệt coi trọng. Công ty thường xuyên mua sắm đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, mở các lớp bồi dưỡng, tuyên truyền an toàn lao động cho toàn thể nhân viên, hướng dẫn học tập quy trình quy phạm trong sản xuất, đề ra các biện pháp hạn chế tối đa an toàn lao động.

3.1.1.2. Về tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý các phòng ban chức năng gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm quy mô hoạt động của công ty, phục vụ tốt hoạt động sản xuất kinh doanh. Các phòng ban chức năng được quy định những nhiệm vụ

rõ ràng, phục vụ kịp thời và đáp ứng được những yêu cầu của quản lý nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Mô hình kinh doanh của công ty rất phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Công ty áp dụng cơ chế khoán xuống từng tổ, đội thi công có trách nhiệm và quan tâm đến kết quả sản xuất kinh doanh của mình, cơ chế khoán với lao động bỏ ra những hưởng thụ nhận được tạo cho người công nhân trong công ty có trách nhiệm tìm tòi suy nghĩ để làm sao đạt được hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công việc, khả năng trình độ chuyên môn của từng kế toán phù hợp với đặc điểm, tính chất, quy mô sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn, kinh phí và sự phân cấp quản lý tài chính ở công ty nhằm đáp ứng nhu cầu về thông tin cho lãnh đạo công ty.

- Đội ngũ kế toán của công ty nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và năng động với công việc. Hầu hết các kế toán viên đều có trình độ chuyên môn cao, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc, các nhân viên luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của công ty.

- Với hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung như hiện nay đã đảm bảo thống nhất tập trung đối với công tác kế toán trong công ty, đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò và chức năng của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán. Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm và trình độ kế toán của từng người vững vàng đáp ứng yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán cũng như thay đổi sổ sách chứng từ theo chế độ kế toán được tiến hành kịp thời và thích ứng rất nhanh.

3.1.1.3. Về hạch toán kế toán nguyên vật liệu

- Hạch toán nguyên vật liệu tại công ty nhìn chung tổ chức chặt chẽ, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản lý, sản xuất của công ty:

- + Khâu thu mua: Với điều kiện nền kinh tế thị trường có nhiều thuận lợi trong việc cung ứng vật tư nên công ty để cho các đội tự đi tìm nguồn hàng, tự ký kết hợp đồng mua bán, điều này đã tạo ra sự chủ động của các nhân viên

tạo điều kiện cho việc thu mua vật liệu được nhanh chóng đầy đủ về số lượng, chủng loại và chất lượng. Bên cạnh đó, còn tìm ra những nguồn vật tư có giá mua thấp hơn, địa điểm thu mua thuận tiện từ đó giảm được chi phí vật liệu góp phần giảm được chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

- + Khâu dự trữ, bảo quản: Công ty luôn giữ vật liệu ở mức hợp lý đủ đảm bảo cho quá trình sản xuất và không gây ra ứ đọng vốn. Hệ thống kho bãi “di động” theo các công trình đã tạo thuận lợi cho việc sử dụng vật liệu.

- + Khâu sử dụng: Mọi nhu cầu sử dụng vật liệu đều đưa qua phòng kế hoạch xem xét tính hợp lệ của các nhu cầu đó nhằm sử dụng tiết kiệm và quản lý tốt vật liệu.

- + Phân loại vật liệu: Công ty đã đưa vào vai trò công dụng của vật liệu để đưa ra nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế,... Việc phân loại nguyên vật liệu của công ty dựa trên cơ sở như vậy là hợp lý và tương đối chính xác.

- Phương thức hạch toán nguyên vật liệu:

- + Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu đồng thời việc kiểm tra đối chiếu sổ và chứng từ cũng đơn giản. Việc ghi chép các thẻ kho và việc xử lý các nghiệp vụ nguyên vật liệu phát sinh được công ty thực hiện kịp thời và đầy đủ. Điều này giúp cho việc đối chiếu giữa các thẻ kho và các sổ chi tiết được chính xác, việc quản lý được dễ dàng và kịp thời. Đồng thời, áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước – xuất trước đảm bảo thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, số liệu thuận tiện cho sử dụng. Phương pháp này là hoàn toàn phù hợp với một công ty xây lắp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh ghi chép sự biến động của vật tư.

- + Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên đã tạo điều kiện cho kế toán ghi chép thuận lợi các nghiệp vụ phát sinh, theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, giảm tối đa cho việc kiểm kê nguyên vật liệu phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp xây dựng.

Tóm lại, quy trình thu mua, sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh được tổ chức chặt chẽ, khoa học và lựa chọn phương pháp hạch toán nguyên vật liệu phù hợp.

3.1.1.4. Về tổ chức sổ sách chứng từ

- Về hình thức kế toán:

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức “Nhật ký chung”. Hình thức này hoàn toàn phù hợp với quy mô, tình hình hoạt động, yêu cầu quản lý và trình độ của đội ngũ kế toán của công ty. Ưu điểm của phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo được thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lên báo cáo tài chính một cách chính xác.

- Về hạch toán ban đầu:

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên kế toán.

Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, từng công trình, trình tự thời gian, tạo điều kiện đối chiếu khi kiểm tra cần thiết.

- Về tài khoản kế toán:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó, công ty cũng mở theo dõi chi tiết cho một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra, đối chiếu.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như sau:

➤ Thứ nhất: Về phân loại nguyên vật liệu: Việc phân loại nguyên vật liệu ở công ty cổ phần Việt Thịnh theo tình hình sản xuất nên có phần không hợp lý. Tất cả các nguyên vật liệu, phụ tùng cho sản xuất hay phục vụ cho sản xuất đều được công ty đưa vào TK 152 gây khó khăn cho việc theo dõi và quản lý. Điều

này không phản ánh đúng chức năng và công dụng của từng loại nguyên vật liệu gây ra khó khăn trong công tác quản lý và dễ nhầm lẫn các loại với nhau.

➤ Thứ hai: Lập danh điểm vật tư: Công ty chưa xây dựng hệ thống mã hóa vật tư nên gây khó khăn cho công tác quản lý, theo dõi cũng như kiểm tra đối chiếu giữa thủ kho và kế toán.

➤ Thứ ba: Về thủ tục nhập kho nguyên vật liệu mua về không qua kho: Việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính rườm rà như việc mua nguyên vật liệu dùng ngay cho sản xuất, kế toán không hạch thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

➤ Thứ tư: Về quá trình luân chuyển chứng từ: Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên, giữa các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý. Làm cho cán bộ công nhân viên ngại việc quản lý chứng từ.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

3.2.1. Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

Hiện nay, nền kinh tế thị trường không ổn định, các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đặc biệt là ngành xây dựng càng phải tìm ra những biện pháp để cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Để làm được như vậy, thì doanh nghiệp phải quan tâm đến nguyên vật liệu đầu vào vì nguyên vật liệu thường chiếm 60% - 70% trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, góp phần việc tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong sản xuất.

Công ty cổ phần Việt Thịnh mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, kịp

thời và đồng bộ nguyên vật liệu cho sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó tạo ra những công trình đạt chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

3.2.1.2. Nguyên tắc và các yêu cầu của việc hoàn thiện các công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

❖ Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cần đảm bảo các nguyên tắc quan trọng trong kế toán sau đây:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng: Để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

Ngoài ra cũng cần phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản như yêu cầu về tính khách quan, trung thực đầy đủ và kịp thời.

❖ Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trước hết phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tôn trọng, nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau, có thể áp dụng các hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo, đội ngũ cán bộ kế toán.
- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có một đặc điểm kinh doanh khác nhau

thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho,...). Doanh nghiệp không áp dụng cứng nhắc, dập khuôn mà nên linh hoạt chọn những hình thức, phương pháp kế toán thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ đem lại hiệu quả cao trong công tác kế toán mà vẫn đảm bảo đúng chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin về kế toán đưa ra phải đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện nhưng vẫn dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét cho đến cùng là tối đa hóa lợi nhuận.

Đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán nguyên vật liệu sẽ thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh

❖ Kiến nghị 1: Hoàn thiện về việc sử dụng các tiểu khoản nguyên vật liệu.

Công ty đang tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hạch toán tổng hợp công ty đã sử dụng tài khoản 152. Tuy nhiên, tất cả các nguyên vật liệu đều được công ty hạch toán chung trong tài khoản 1521, bao gồm cả nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu,... Như vậy, thực chất nguyên vật liệu không được phân loại chi tiết trong quá trình hạch toán. Trong khi công ty có quá nhiều chủng loại vật liệu có vai trò, công dụng khác nhau. Việc phân loại chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu trong quá trình kế toán tại công ty là rất cần thiết.

Theo em, công ty nên mở thêm và sử dụng các tiểu khoản như sau trong hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521 – Nguyên vật liệu : Xi măng, sắt, thép, cát, sỏi đá,...
- TK 1522 – Nhiên liệu: Các loại xăng, dầu,...
- TK 1523 – Phụ tùng thay thế: Các loại vòng bi, xéc măng, săm, lốp xe, ốc quy,...

- TK 1524 – Phế liệu thu hồi: Gồm các đoạn thừa của sắt, thép, gỗ không dùng hết, vỏ bao xi măng,...

- TK 1528 – Vật liệu khác

Việc hạch toán theo tiểu khoản có hai lợi ích đối với hoạt động kế toán và sản xuất của doanh nghiệp:

- Công tác quản lý nguyên vật liệu sẽ trở nên dễ dàng hơn không chỉ về mặt số lượng mà quan trọng hơn về mặt giá trị. Việc quản lý theo đó cũng được chi tiết, chặt chẽ và hiệu quả hơn.

- Sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản, giá trị nguyên vật liệu xuất kho cho sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu,... Quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm cũng được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng. Từ đó, tạo điều kiện dễ dàng thuận lợi, trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cũng như khi muốn tìm cách giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm qua các kỳ.

❖ **Kiến nghị 2: Hoàn thiện lập sổ danh điểm nguyên vật liệu**

Khối lượng nguyên vật liệu mà công ty cổ phần Việt Thịnh đang sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ, công ty cổ phần Việt Thịnh đã tiến hành phân loại chúng theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình xây dựng. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em công ty cổ phần Việt Thịnh nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật liệu”. “Sổ danh điểm vật liệu” là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ và logic. Mỗi loại, mỗi nhóm nguyên vật liệu được quy định một mã riêng biệt, sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Việc xây dựng bổ sung này sẽ hoàn thiện thêm công tác quản lý cũng như hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh. Trước hết, việc quản lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng thống nhất giữa các công trình trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập – xuất – tồn.

Hơn nữa thực hiện được điều này, việc cập nhập số liệu vào phần mềm của kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào loại nguyên vật liệu.
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại.
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2.

Bộ phận quản lý nguyên vật liệu có thể dùng số tự nhiên để quy ước dần theo từng chủng loại nguyên vật liệu. Em xin đề xuất quy ước sau để xây dựng bộ mã nguyên vật liệu:

- Ba số tự nhiên đầu tiên: Biểu thị loại tài sản của công ty (nguyên vật liệu).
- Số thứ tự thứ tư: Biểu thị vai trò nguyên vật liệu, vị trí của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất (chính, phụ,...).
- Hai số thứ tự thứ năm và thứ sáu: Biểu thị nhóm nguyên vật liệu có cùng tính chất, chức năng và vai trò tương tự nhau.
- Hai số thứ tự thứ bảy và thứ tám: Biểu thị quy cách, phẩm chất của mỗi loại nguyên vật liệu cụ thể trong nhóm nguyên vật liệu.

Ví dụ 7: Nguyên vật liệu chính 1521

Thép Φ10: TK 1521.01.01

Thép Φ14: TK 1521.01.02

Thép Φ18: TK 1521.01.03

Công ty có thể lập sổ danh điểm vật tư theo mẫu sau đây:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Loại: Nguyên vật liệu

TK 1521

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521	1521.01		Thép	Kg	
		1521.01.01	Thép Φ10	Kg	
		1521.01.02	Thép Φ14	Kg	
		1521.01.03	Thép Φ18	Kg	
		1521.01.04	Thép Φ20	Kg	
		1521.01.05	Thép Φ6	Kg	
		1521.01.06	Thép Φ12	Kg	
		1521.01.07	Thép Φ25	Kg	
		...			
	1521.02		Cát	m ³	
		1521.02.01	Cát vàng Vĩnh Phú	m ³	
		1521.02.02	Cát Hà Bắc	m ³	
		1521.02.03	Cát trắng	m ³	
		1521.02.04	Cát đen	m ³	
		1521.02.05	Cát vàng	m ³	
		...			
	1521.03		Xi măng		
		1521.03.01	Xi măng PCB 30 HP	Tấn	
		1521.03.02	Xi măng PCB 40 HP	Tấn	
		...			
	1521.04		Đá	m ³	
		1521.04.01	Đá 1x2	m ³	
		1521.04.02	Đá 2x4	m ³	
		1521.04.03	Đá 4x6	m ³	
		1521.04.04	Đá hộc	m ³	
		...			
	1521.05		Gạch	Viên	
		1521.05.01	Gạch đặc	Viên	
		1521.05.02	Gạch 2 lỗ	Viên	
		1521.05.03	Gạch lát 40x40	Viên	
		1521.05.04	Gạch ốp 25x40	Viên	
		...			

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Đường Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 6 năm 2012

Tài khoản : 152

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Danh điểm vật tư	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền			
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	1521.01.01	Thép Φ10	442.104.350	377.772.500	278.653.000	541.223.850
	1521.01.02	Thép Φ14	451.595.700	129.383.700		580.979.400
	1521.01.03	Thép Φ18	906.430.500	99.775.000	153.315.800	852.889.700
	1521.01.04	Thép Φ20	601.890.375	1.235.077.400	918.491.925	918.475.850
	1521.01.05	Thép Φ6	409.880.360	81.954.000		491.834.360
	1521.01.06	Thép Φ12	848.852.540	204.853.600		1.053.706.140
	1521.01.07	Thép Φ25	121.675.000	845.662.680	845.662.680	121.675.000
		...				
	1521.02.01	Cát vàng Vĩnh Phú		5.620.000	5.620.000	
	1521.02.02	Cát Hà Bắc		3.474.652.936	3.474.652.936	
	1521.02.03	Cát đen		4.500.000	4.500.000	
		...				
	1521.03.01	Xi măng PCB30 HP	3.590.693.755	1.312.782.853	692.935.954	4.210.540.654
		...				
	1521.04.02	Đá 2x4		2.000.000	2.000.000	
		...				
	1521.05.01	Gạch đặc		7.500.000	7.500.000	
	1521.05.02	Gạch 2 lỗ		7.000.000	7.000.000	
		Cộng	8.319.948.990	10.259.284.269	7.902.915.131	10.676.318.128

Biểu số 3.2: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

❖ **Kiến nghị 3: Hoàn thiện thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu.**

Khi nguyên vật liệu mua về, không nhập kho mà chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất, nhưng phòng vật tư vẫn tiến hành thủ tục nhập kho, sau đó lại tiến hành thủ tục xuất kho. Việc thực hiện thủ tục nhập kho như vậy sẽ rườm rà làm tăng công việc, hao phí về lao động.

Theo em, trong trường hợp này khi nguyên vật liệu về công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và biên bản giao nhận vật tư đó là căn cứ hạch toán chi phí nguyên vật liệu xuất thẳng, vừa giảm bớt thủ tục ghi chép, vừa phản ánh kịp thời số liệu hạch toán hàng tồn kho.

Ví dụ 8: Công trình bệnh viện đa khoa Hải An tháng 06/2012 công ty cổ phần Việt Thịnh (cụ thể sikawatebar) tiến hành thủ tục nhập kho 120m sikawatebar (đơn giá: 283.400 đồng/m) nhưng hóa đơn chưa về với số tiền 34.008.000 đồng. Công ty chưa thanh toán. Sau đó lại tiến hành thủ tục xuất kho.

Kế toán định khoản:

a) Nợ TK152 : 34.008.000

Có TK331 : 34.008.000

b) Nợ TK621 : 34.008.000

Có TK152 : 34.008.000

Theo em, trong trường hợp này cần định khoản xuất thẳng nguyên vật liệu

Nợ TK621 : 34.008.000

Có TK331 : 34.008.000

❖ **Kiến nghị 4: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.**

Công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận không có biên bản giao nhận chứng từ nên công ty gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất hay thất lạc. Vì vậy, công ty nên có biên bản giao, nhận chứng từ (biểu số 3.3) để đảm bảo việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Do đặc điểm của ngành xây dựng, của sản phẩm xây dựng cơ bản nên công ty tổ chức nhiều kho, đặt tại công ty và tại các công trình. Trong đó, hoạt động của công ty là thi công nhiều công trình, hạng mục công trình lớn nhỏ khác nhau và nhu cầu sử dụng vật tư tại các công trình là thường xuyên. Do

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đó, việc theo dõi vật tư xuất dùng hàng ngày theo từng phiếu xuất kho ở từng kho chuyển lên phòng kế toán gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Qua theo dõi thực tế cho thấy chứng từ ban đầu ở các đội việc xử lý để chuyển lên phòng kế toán trung tâm còn chậm. Do đó, phải có biện pháp quy định về mặt thời gian luân chuyển chứng từ ban đầu để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời. Phòng kế toán nên quy thời gian từ 10 đến 15 ngày tùy theo điều kiện mà nhân viên kinh tế đội phải chuyển chứng từ ban đầu cho phòng kế toán.

Trong trường hợp: Xuất quỹ tạm ứng cho các đội để mua nguyên vật liệu thì kế toán cần phải thực hiện ghi chép kịp thời:

Vì nếu trong trường hợp sang tháng vật tư mới về thì số tiền tạm ứng không được theo dõi trên tài khoản nào. Trong báo cáo kế toán sẽ giảm đi một lượng tiền mà không rõ nguyên nhân phải ghi chép ngay.

Công ty cổ phần Việt Thịnh		Bộ phận:
Số 44B Lê Lai, Ngõ Quyền, Hải Phòng		
BIÊN BẢN BÀN GIAO		
Ngày ... tháng ... năm ...		
Căn cứ Quyết định .../ ... ngày ... tháng ... năm ... của công ty cổ phần Việt Thịnh về việc bàn giao chứng từ kế toán.		
I. Bàn giao chứng từ gồm:		
- Ông/ Bà:	Chức vụ:	(Bên giao)
- Ông/ Bà:	Chức vụ:	(Bên nhận)
II. Tiến hành bàn giao chứng từ:		
- Loại chứng từ:		
- Số lượng chứng từ:		
- Số chứng từ:		
III. Kết luận của Ban bàn giao.		
.....		
Ngày ... tháng ... năm ...		
Bên giao (Ký, ghi rõ họ tên)		Bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.3: Biên bản bàn giao chứng từ.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập và nghiên cứu tại công ty cổ phần Việt Thịnh, cho thấy công tác kế toán của công ty luôn tuân thủ những quy định của Bộ tài chính, đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của công ty. Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng.

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ tài chính.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Công ty hạch toán nguyên vật liệu đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chi tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp một cách kịp thời và chính xác.

Bên cạnh những ưu điểm nói trên công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như: Công ty phân loại nguyên vật liệu ở công ty cổ phần Việt Thịnh theo tình hình sản xuất nên có phần không hợp lý; chưa xây dựng hệ thống mã hóa vật tư nên gây khó khăn cho công tác quản lý, theo dõi cũng như kiểm tra đối chiếu giữa thủ kho và kế toán; hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính rườm rà; trong quá trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, thất lạc.

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần Việt Thịnh đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh:

- Kiến nghị: Hoàn thiện về việc sử dụng các tiểu khoản nguyên vật liệu.

Quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm cũng được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng. Từ đó, tạo điều kiện dễ dàng thuận lợi, trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cũng như khi muốn tìm cách giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm qua các kỳ.

- Kiến nghị: Hoàn thiện lập sổ danh điểm nguyên vật liệu.

Việc xây dựng bổ sung sổ danh điểm nguyên vật liệu sẽ hoàn thiện thêm công tác quản lý cũng như hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh. Trước hết, việc quản lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng thống nhất giữa các công trình trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập – xuất – tồn. Hơn nữa thực hiện được điều này, việc cập nhập số liệu vào phần mềm của kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

- Kiến nghị: Hoàn thiện thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu.

Sẽ vừa giảm bớt thủ tục ghi chép, vừa phản ánh kịp thời số liệu hạch toán hàng tồn kho.

- Kiến nghị: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận không có biên bản giao nhận chứng từ nên công ty gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất hay thất lạc. Vì vậy, công ty nên có biên bản giao, nhận chứng từ để đảm bảo việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Những kiến nghị này còn mang tính chất lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tiễn tại đơn vị nên cũng mang tính chất khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé giúp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Thịnh.